

*Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế* (tên tiếng Anh là *International Higher Education*, viết tắt là *IHE*) là ấn phẩm định kỳ hàng quý của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE).

Tạp chí phản ánh sứ mệnh của Trung tâm nhằm tạo tầm nhìn quốc tế hỗ trợ cho việc xây dựng và thực thi chính sách một cách sáng suốt. Thông qua *Tạp chí Giáo dục Đại học quốc tế*, mạng lưới các học giả trên thế giới cung cấp thông tin và bình luận về những vấn đề chính yếu của giáo dục đại học toàn cầu. IHE được xuất bản bằng Tiếng Anh, Trung Quốc, Nga, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Việt Nam. Độc giả có thể xem được các ấn bản điện tử này tại [www.bc.edu/cihe](http://www.bc.edu/cihe).



Đăng ký tạp chí *IHE* tại  
<http://ejournals.bc.edu/ojs/index.php/ihe/user/register>

#### Trò chơi Xếp hạng

- 3 Mỗi năm một phương pháp luận: Xếp hạng có cho chúng ta biết được điều gì mới?  
Ellen Hazelkorn và Andrew Gibson
- 4 Bảng xếp hạng các trường đại học toàn cầu có phải là “Thế vận hội Olympic” của giáo dục đại học?  
Maria Yudkevich, Philip G. Altbach và Laura E. Rumbley
- 7 Hệ thống giáo dục đại học tốt của quốc gia – các bài học từ Bảng xếp hạng U21  
Ross Williams
- 8 U-Multirank và các trường Đại học châu Mỹ Latinh  
Ana García de Fanelli

#### Khủng hoảng Tỵ nạn và Giáo dục Đại học

- 10 Cuộc khủng hoảng người tỵ nạn Syria và giáo dục đại học  
Hans de Wit và Philip G. Altbach
- 12 Đại học Đức mở cửa cho người tỵ nạn: rào cản vẫn còn  
Simon Morris-Lange và Florinda Brands

#### Tham nhũng và Văn hóa Học đường

- 14 Tai họa về gian lận và tham nhũng trong giáo dục đại học  
Goolam Mohamedbhai
- 17 Nền văn hoá học thuật độc hại tại Đông Á  
Rui Yang

#### Chủ đề Quốc tế

- 18 Giáo dục đại học quốc tế và “bước ngoặt tân khai phóng”  
Peter Scott
- 20 Liên Hiệp Quốc, giáo dục đại học quốc tế và ngoại giao kiến thức  
Nanette Svenson
- 22 Toàn cảnh thay đổi của nghiên cứu giáo dục quốc tế  
Douglas Proctor
- 24 Giáo dục khai phóng cổ điển và ảnh hưởng toàn cầu  
Philip G. Altbach

#### Vấn đề Sinh viên

- 26 Chủ nghĩa dân tộc mới: thách thức cho các sinh viên quốc tế  
Jenny J. Lee
- 27 Những thách thức trong việc trao đổi sinh viên ở Đông Nam Á  
Thu T. Do và Duy N. Pham
- 29 Pháp tranh luận về học phí của sinh viên quốc tế  
Ariane de Gayardon

#### Quốc gia và Khu vực

- 30 Chất lượng giảng dạy tại Anh dưới kính hiển vi: động lực ở đâu?  
Robin Middlehurst
- 32 Giáo dục đại học tại Kosovo: Cuộc chuyển giao kéo dài  
Xhavit Rexhaj

#### Tin Phòng ban

- 33 Các ấn phẩm mới
- 34 Tin tức của Trung tâm Giáo dục đại học Quốc tế

## Chương trình Đào tạo Cao học về Giáo dục Đại học Quốc tế tại CIHE

CIHE vui mừng thông báo việc ra đời của Chương trình Đào tạo Cao học về Giáo dục Đại học Quốc tế. Đây là chương trình gồm 30 tín chỉ (có thể hoàn thành trong một năm học tập và một mùa hè), được thiết kế để cung cấp cho học viên những kiến thức quốc tế hóa sâu rộng và tiên tiến về chính sách và thực tiễn giáo dục đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chương trình đặc biệt phù hợp với những học viên quan tâm đến phát triển sự nghiệp của mình về lãnh đạo chiến lược quốc tế hóa giáo dục đại học, về xây dựng chính sách cho giáo dục đại học trong các tổ chức quốc tế cũng như về các lĩnh vực liên quan khác.

Truyền thống nhiều thập kỷ của Boston College giúp cho chương trình có được sự chuẩn bị cần thiết nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp và nghiêm cẩn trong học thuật về quản trị giáo dục đại học. Đặc biệt chương trình còn tận dụng mạng lưới tri thức chuyên môn sâu rộng trong lĩnh vực giáo dục đại học quốc tế. Các điểm đặc biệt của chương trình là trải nghiệm thực tập tại địa phương, hình thức học tập hiện đại (gồm việc học theo địa điểm tập trung, học trực tuyến và học tích hợp) - kết hợp với tiếp xúc những học giả trong lĩnh vực Giáo dục đại học quốc tế, và một đồ án tốt nghiệp cuối khóa mang tính cá nhân. Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ Bà Laura E. Rumbley, Phó Giám đốc Trung tâm CIHE tại địa chỉ email [rumbley@bc.edu](mailto:rumbley@bc.edu).



## Ban Biên tập Tạp chí IHE xin thông báo một số thay đổi trong chính sách đăng ký tạp chí

Trong hơn 20 năm qua, Tạp chí *IHE* đã được xuất bản và phát hành (gồm bản in và bản điện tử) miễn phí tới các độc giả trên toàn thế giới. Việc này có được nhờ sự tài trợ từ Quỹ Ford, Tập đoàn Carnegie ở New York, sự hỗ trợ của Boston College và những đóng góp miễn phí từ các tác giả. Hơn hai năm qua, chúng tôi cũng đã xuất bản được hai số đặc biệt về việc quốc tế hóa giáo dục đại học với sự cộng tác của Trung tâm Quốc tế hóa Giáo dục Đại học (CHEI) tại Milan. Chúng tôi mong muốn tiếp tục cung cấp miễn phí Tạp chí *IHE* tới các độc giả trực tuyến trong những năm tới. Chúng tôi cũng mong muốn tiếp tục cung cấp các ấn bản Tạp chí *IHE*, nhưng do chi phí in ấn và chuyển phát ngày càng tăng nên chúng tôi đề nghị quý độc giả có nhu cầu đọc bản in (tiếng Anh) đóng góp mức phí khiêm tốn hàng năm là 35 đô la Mỹ. Thêm vào đó, chúng tôi sẽ rất cảm kích nếu các độc giả trực tuyến đóng góp tùy tâm cho Tạp chí *IHE* trong những năm tới.

Trong năm 2016, chúng tôi vẫn phát hành 4 số, nhưng sẽ tăng số trang từ 32 lên 36 mỗi số (tức là sẽ cung cấp thêm nội dung cho quý độc giả). Chúng tôi sẽ bổ sung thêm một chuyên mục về việc quốc tế hóa giáo dục đại học với sự cộng tác của Trung tâm CHEI và về đại học tư thục, về giáo dục đại học xuyên quốc gia nhờ sự cộng tác của các đồng nghiệp tại Đại học SUNY Albany.

Thông tin về cách thức đóng phí mới (xin nhắc lại, chỉ dành cho những độc giả đăng ký bản in tiếng Anh) sẽ sớm được công bố ngay sau khi chúng tôi hoàn thiện các chi tiết kỹ thuật liên quan đến quá trình thanh toán.

Như mọi lần, chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ không ngừng của các quý độc giả dành cho *IHE*, tạp chí mà chúng tôi cam kết chất lượng cao một cách nhất quán và dễ dàng tiếp cận nhất.

Philip G. Altbach, Tổng biên tập

Laura E. Rumbley và Hans de Wit, Phó Tổng biên tập

## Mỗi năm một phương pháp luận: Xếp hạng có cho chúng ta biết được điều gì mới?

Ellen Hazelkorn và Andrew Gibson

*Ellen Hazelkorn là cố vấn chính sách cho Vụ Giáo dục Đại học Ireland, là Giáo sư danh dự và Giám đốc Phòng Nghiên cứu Giáo dục Đại học (Higher Education Policy Research Unit - HEPRU), E-mail: ellen.hazelkorn@dit.ie. Andrew Gibson là trợ lý nghiên cứu cao cấp của HEPRU và đang làm luận văn tiến sĩ tại Trinity College Dublin, E-mail: Andrew.gibson@dit.ie.*

Trước đây, khi thảo luận về xếp hạng đại học, người ta thường bắt đầu với câu hỏi: “bảng xếp hạng nào?”. Mặc dù thực tế có đến mười bảng xếp hạng đại học toàn cầu chính yếu, hầu hết sự chú ý tập trung vào ba bảng xếp hạng đại học là ARWU (Academic Rankings of World Universities), THE (Times Higher Education) và QS (Quacquarelli Symonds). Dù đã hỏi thế, ngay sau khi có câu trả lời người ta có thể vẫn hỏi: “Ừ, nhưng là xếp hạng nào?”. Đó là bởi trong ba bảng xếp hạng trên có tới 66 xếp hạng riêng biệt và xếp hạng con theo khu vực, theo khoa, theo lĩnh vực, theo chuyên ngành... Tất cả những điều này cho thấy rằng xếp hạng đại học không chỉ là thông tin có ý nghĩa, mà còn là lĩnh vực hoạt động quy mô lớn.

Theo truyền thống, trọng tâm của chính sách và sự chú ý của các phương tiện truyền thông được tạo lập trên niềm đam mê và xúc cảm với các biến động lên xuống tương đối của thứ hạng, thậm chí với các giá trị thay đổi không lớn theo tính toán thống kê. Ngay cả sinh viên cũng được tư vấn chọn trường dựa trên sự khác biệt không đáng kể này. Các thông tin mang tính nhạy cảm, giật gân này đã thúc đẩy gia tăng về số lượng và chủng loại của các bảng xếp hạng và đặc biệt thời gian công bố xếp hạng dường như trùng với thời điểm của các hội nghị, các sự kiện lớn.

Các tổ chức xếp hạng thường sẽ biện minh cho bất cứ ý định thay đổi có chủ ý nào. Chẳng hạn US News and World Report cho rằng thay đổi là một dấu hiệu của sự cải thiện, hoặc như THE nói, “thay đổi là để tốt hơn”. THE còn gần thay đổi trong phương pháp luận xếp hạng với sự thay đổi về quan hệ đối tác, chẳng hạn khi chia tay với QS để hợp tác với Thomson Reuters và gần đây nhất là hợp tác với Scopus.

### Các thay đổi gần đây trong phương pháp luận

Có hai dạng thay đổi trong phương pháp xếp hạng đại học. Có thể thay đổi về mặt cấu trúc như dịch chuyển trọng số, thay đổi các chỉ số cụ thể, chuẩn hóa các tiêu chí... với thay đổi vài điểm phần trăm ở đầu đó. Hoặc có thể là những thay đổi về nguồn dữ liệu. Tuy nhiên, tất cả điều này đang thể hiện sự tùy tiện của phương pháp luận và các số đo.

Về nguồn dữ liệu tham chiếu, năm 2015 THE đã thay đổi từ việc sử dụng dữ liệu trong Web of Science (WOS) sang sử dụng dữ liệu của Scopus. WOS chỉ bao gồm 12 ngàn tạp chí - so với 23 ngàn tạp chí của Scopus. Scopus được coi như phủ rộng hơn đến các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn và do đó, một phạm vi rộng lớn hơn của hoạt động các trường đại học trong nhiều lĩnh vực và đối tượng sẽ được nắm bắt, hạn chế bớt tính thiên vị khoa học dựa theo trắc lượng thư mục.

Một thay đổi mang tính ảnh hưởng khác là quyết định của THE loại trừ các công trình của hơn 1000 tác giả với lý do là các bài báo này có thể tạo cho các trường một ưu thế vượt trội. Điều này chủ yếu liên quan đến các lĩnh vực như vật lý siêu hạt, ví dụ như các dự án của Tổ chức Nghiên cứu hạt nhân châu Âu (CERN). Không có được đầy đủ cơ sở dữ liệu trong tay, chúng tôi ước đoán rằng việc loại trừ những nghiên cứu này là nguyên nhân suy giảm thứ hạng của Đại học Bogazici (Thổ Nhĩ Kỳ) từ 139 trong năm 2014-2015 xuống 501-600 trong năm 2015-2016. Điều này đặt ra câu hỏi về việc tại sao các công trình nghiên cứu này giờ đây hoàn toàn không được công nhận và hệ thống thay thế nào có thể là giải pháp thích hợp mang tính hơn công bằng hơn.

---

**Theo truyền thống, trọng tâm của chính sách và sự chú ý của các phương tiện truyền thông được tạo lập trên niềm đam mê và xúc cảm với các biến động lên xuống tương đối của thứ hạng, thậm chí với các giá trị thay đổi không lớn theo tính toán thống kê.**

---

Trong năm 2015, QS đã thay đổi phương pháp xếp hạng theo cách “tinh lọc”. Điều chỉnh này liên quan đến cách thức tính toán số lượng các công trình công bố. Thay vì chia số lượng công trình cho số cán bộ nghiên cứu, QS nghĩ ra một mô hình chuẩn hóa theo chuyên ngành. Điều này tạo điều kiện cho

các ngành nghệ thuật, khoa học xã hội nhân văn, kỹ thuật công nghệ tăng chỉ số nghiên cứu lên gần ngang bằng với các ngành y và khoa học tự nhiên. Điều này cũng có nghĩa là một số trường đại học - ví dụ như có đào tạo ngành y (trong đó có xu hướng trở nên già dặn hơn với một danh tiếng nghiên cứu lâu năm hơn) - sẽ không còn ưu thế và các trường mới có thể mạnh trong các lĩnh vực khác có thể tăng điểm nghiên cứu lên. Cùng một động thái giống như THE, QS cũng được loại trừ công bố của hơn 10 tổ chức liên kết.

Ngược lại với THE và QS, phương pháp luận của ARWU khá ổn định. Theo đó, những biến động lớn bị xem như là không bình thường và danh sách các trường đại học hàng đầu hầu như giữ nguyên qua các năm. Một thay đổi ARWU đã thực hiện trong năm 2014 và 2015 có liên quan đến hệ số trích dẫn cao (theo số liệu thu thập của Thomson Reuters) do các cán bộ nghiên cứu làm việc nhiều nơi theo cơ chế liên kết. Từ năm 2003, ARWU sử dụng danh sách 6000 nhà nghiên cứu được trích dẫn cao, nhưng thay đổi vào năm 2014 và 2015 đã giới hạn trong một danh sách ngắn hơn với 3000 nhà nghiên cứu. Điều này dẫn đến một số thay đổi nhỏ về điểm số nhưng không có ảnh hưởng lớn.

Bảng xếp hạng Round University Ranking (RUR) của Nga sử dụng dữ liệu do Thomson Reuters cung cấp. Hoạt động nghiên cứu và hoạt động giảng dạy được tính theo trọng số 40%, còn các thuộc tính “đa dạng hóa hoạt động quốc tế” và “bền vững tài chính” có trọng số 10%. Một điểm thú vị về phương pháp luận của bảng xếp hạng này - nếu không có thay đổi mang tính đột phá - là đều tính được điểm của từng trường đại học theo tất cả các chỉ số. Điều này có thể làm cho RUS là lựa chọn thú vị trong một thị trường xếp hạng khá đồng đều.

### Những thay đổi này cho ta biết điều gì mới?

Có nhiều bằng chứng cho thấy đã có trường đại học tìm cách chế biến - hoặc nói lịch sự hơn là tìm cách ảnh hưởng đến dữ liệu của họ. Do số lượng giảng viên là mẫu số chính cho các chỉ số về thu nhập từ hoạt động nghiên cứu, số nghiên cứu sinh, các công trình công bố, tỷ lệ giảng viên-sinh viên, v.v..., các tổ chức xếp hạng đã có những nỗ lực nhất quán để phân loại giảng viên theo hợp đồng và tình trạng việc làm. Có những nỗ lực nhằm làm sạch bất kỳ hoạt động gán danh nào liên quan đến tổ chức liên kết. Cũng có những bằng chứng xác đáng xung quanh nỗ lực của các trường đại học nhằm để cao tiêu chí

lựa chọn sinh viên đầu vào - tiêu chí quan trọng ảnh hưởng đến việc sinh viên hoàn tất chương trình học, đến việc làm và mức lương sinh viên khi ra trường. Mặc dù các thông tin này khá giật gân, nhưng chỉ ở thiếu số các trường trong hệ thống 18 ngàn tổ chức giáo dục đại học trên toàn thế giới.

Mặc dù có những thay đổi trong phương pháp xếp hạng, nhưng nói chung chúng ta không biết được gì hơn so với những gì đã biết trước đây. Các trường đại học thay đổi quá chậm, nên rất khó để hiểu được làm thế nào mức độ thay đổi trong bức tranh xếp hạng hàng năm có thể được gắn kết một cách thực sự cho trường mình. Trớ trêu thay, vấn đề thay đổi định tính này có nguy cơ làm lu mờ vấn đề ngược lại: đó là sự thống nhất tương đối của bảng xếp hạng. Mặc dù sự xuất hiện việc xếp hạng đại học mang tính phong trào, nhưng các bảng xếp hạng cần có sự nhất quán tương đối. Các trường có thể xuất hiện trong các bảng xếp hạng ở các thứ tự hơi khác nhau, nhưng về cơ bản cùng một nhóm trường đều xuất hiện tại các vị trí đầu trong tất cả các bảng xếp hạng. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên vì các bảng xếp hạng thực chất đo cùng-một-thứ- sai.

Bản chất “hộp đen” kiên cố của các bảng xếp hạng đại học phụ thuộc vào việc chính phủ, sinh viên và công chúng đang không hiểu hoặc không đặt câu hỏi về cái gì ở bên trong các bảng xếp hạng này. ■

## *Citius, Altius, Fortius*<sup>1</sup>

### Bảng xếp hạng các trường đại học toàn cầu có phải là “Thế vận hội Olympic” của giáo dục đại học?

**Maria Yudkevich, Philip G. Altbach và Laura E. Rumbley**

*Maria Yudkevich là Phó Hiệu trưởng của trường Đại học Nghiên cứu Quốc dân - Viện Kinh tế Cao cấp, Moscow, Liên bang Nga. E-mail: Zyudkevich@gmail.com. Philip G. Altbach là giáo sư nghiên cứu và giám đốc sáng lập Trung tâm Giáo dục đại học quốc tế tại Boston College. E-mail: altbach@bc.edu. Laura E. Rumbley là Phó giám đốc Trung tâm Giáo dục đại học quốc tế tại Boston College. E-mail: laura.rumbley@bc.edu.*

<sup>1</sup> Các từ La tinh *Citius, Altius, Fortius* - phương châm chính thức của Thế vận hội Olympic - có nghĩa là “nhanh hơn, cao hơn, mạnh hơn”.

**P**hép so sánh ẩn dụ này có nghĩa là gì? Người ta đã dùng nhiều ẩn dụ khi bàn đến bảng xếp hạng các trường đại học toàn cầu. Chúng tôi nhận thấy việc xếp hạng các trường đại học có nhiều tính chất giống như các cuộc thi thể thao và có những tương đồng đáng kể giữa các cuộc thi mang tính học thuật lớn với Thế vận hội Olympic.

Bảng xếp hạng đại học toàn cầu và Thế vận hội Olympic đều có tính cạnh tranh cao, tạo cho người tham gia cơ hội giành được những phần thưởng danh giá, uy tín, giúp người tham gia thấy rõ triển vọng thành công trong tương lai. Nếu các vận động viên tham gia Thế vận hội Olympic có cơ hội trở nên nổi tiếng ở tầm quốc gia, quốc tế và trở nên giàu có, thì các trường đại học vượt trội trong bảng xếp hạng có thể nhận được sự thừa nhận quốc tế, sự quan tâm từ sinh viên, giảng viên tiềm năng, nguồn tài chính từ các tổ chức tư nhân, từ ngành công nghiệp, từ các mạnh thường quân cũng như từ chính phủ.

### **Các bảng xếp hạng toàn cầu: “Sân chơi”**

Cả Thế vận hội và các bảng xếp hạng đại học toàn cầu đều quy tụ những diễn viên sở hữu đồng thời hai tố chất: hiểu được giá trị của các màn biểu diễn đẳng cấp cao trên sân khấu thể giới và có tham vọng giành chiến thắng. Tuy nhiên không phải tất cả đối thủ trong các cuộc tranh tài đều có xuất phát điểm như nhau. Để thể hiện tốt trong các cuộc thi quốc tế dành cho giới tinh hoa này cần có trí thông minh và nhiều tiền. Có kinh nghiệm, nắm vững quy tắc của sân chơi cũng là một lợi thế, vì thành công thường đến với người biết phát huy tối đa các điểm mạnh và hạn chế các điểm yếu của mình.

Ngoài ra, một số đặc tính tự nhiên vốn có cũng gia tăng khả năng thành công trong Thế vận hội Olympic cũng như trong các bảng xếp hạng. Ví dụ, danh sách các huy chương trong một số môn thể thao cụ thể thường xuyên đại diện cho các quốc gia có điều kiện đào tạo tự nhiên tốt cho những môn thể thao đó. Hiện tượng này cũng xuất hiện trong các bảng xếp hạng đại học thế giới. Rõ ràng nhất là các nước và các trường sử dụng tiếng Anh trên thế giới hiển nhiên ở vị trí nhiều ưu thế (so sánh trong cùng bảng xếp hạng), so với các nước và các trường nằm ở khu vực thế giới không nói tiếng Anh. Các ưu thế đó bao gồm: hệ thống học thuật của họ bằng tiếng Anh - ngôn ngữ khoa học có tính toàn cầu, là khu vực phát hành nhiều các ấn phẩm khoa học hàng đầu và cũng là nơi có nhiều người tham gia

đánh giá ngoại biên kiểm soát việc công bố công trình trong các ấn phẩm đó.

### **Tim kiếm huy chương: Đãi cát tìm vàng**

Vươn lên các vị trí cao trong bảng xếp hạng đại học toàn cầu cũng giống như tìm kiếm huy chương ở Thế vận hội Olympic, đây là một trò chơi có tổng bằng không. Tại Thế vận hội, chỉ có một huy chương vàng, một huy chương bạc và một huy chương đồng duy nhất. Điều này cũng đúng cho Bảng xếp hạng đại học toàn cầu. Chỉ có một trường đại học ở vị trí số một và chỉ 100 tổ chức học thuật có thể lọt vào Top 100, mặc dù trong thực tế, không có bất kỳ giới hạn số lượng nào cho các tổ chức học thuật xuất sắc. Một số quốc gia có những nỗ lực ngoạn mục để trở thành đối thủ đáng gờm trong các bảng xếp hạng quốc tế, cũng như trong các sự kiện thể thao quốc tế lớn như Thế vận hội Olympic. Họ chi nhiều tiền để đạt được mục tiêu. Giành những vị trí cao trong các lĩnh vực này trở thành ưu tiên quốc gia và những thành tựu đạt được là động lực chính trị. Một số tổ chức đào tạo đại học ở các nước như Trung Quốc, Pháp, Đức và Nga xác định rõ mục tiêu chính để nâng hạng là giành được thành tích cao hơn trong cuộc đua tài. Huy động mọi nguồn lực để đạt được sự vĩ đại trong cuộc cạnh tranh toàn cầu của các trường đại học không khác với những gì chúng ta thấy khi các nước huy động các đội tuyển của họ tham gia vào Thế vận hội Olympic.

### **Xuất sắc sản sinh ra xuất sắc: Nhu cầu về hệ thống nuôi dưỡng tốt**

Hiếm có hiện tượng các vận động viên ưu tú nhất thế giới, hoặc các trường đại học hàng đầu của thế giới xuất hiện từ một hệ thống yếu kém. Điều này cho thấy tầm quan trọng của toàn bộ hệ thống nuôi dưỡng có khả năng sản sinh ra người chiến thắng. Để có được vị trí hàng đầu trong bảng xếp hạng, cần thiết đầu tư vào các trường đại học hàng đầu, nhưng cũng cần đầu tư vào hệ thống học tập rộng hơn đang nuôi dưỡng những trường đại học hàng đầu này.

Tại sao điều này là cần thiết? Các trường đại học quốc gia tốt nhất cần một nguồn năng lượng tái tạo là các tài năng học tập mới. Tương tự như vậy, để có thể cạnh tranh trong Thế vận hội, nhất thiết phải có một cơ sở hạ tầng tốt, được đầu tư thích đáng nhằm hỗ trợ phát triển thể chất cho trẻ em và phát triển thể thao trong thanh thiếu niên.

Ngoài ra, các trường đại học mạnh cần một môi trường cạnh tranh để khai thác được tiềm năng của họ. Lý tưởng nhất là ở vào một vị thế buộc phải tích cực cạnh tranh với các trường khác để có được sinh viên, giảng viên và các nguồn tài trợ. Các tổ chức giáo dục thiếu kinh nghiệm cạnh tranh ở cấp địa phương hay cấp quốc gia sẽ khó đủ sức cạnh tranh trên trường quốc tế. Điều tương tự cũng có thể thấy với các môn thể thao: cơ hội tập luyện cùng, hoặc tranh đua với những đối thủ mạnh nhất trong cùng lĩnh vực cho phép các vận động viên có tham vọng phát hiện ra những điểm yếu của mình, rèn rũa kỹ năng và vươn lên tầm cao mới. Khả năng thu hút tài năng cũng là một nét tương đồng giữa các quốc gia giành thành tích cao ở Thế vận hội và các quốc gia có hệ thống giáo dục đại học mạnh.

Trong Thế vận hội, đội tuyển quốc gia đại diện cho một quốc gia bất kỳ có thể bao gồm các vận động viên (hoặc huấn luyện viên) đến từ các nước khác nhưng đã có quốc tịch của đất nước mà đội tuyển này đại diện và họ tham gia đội tuyển với tư cách công dân của quốc gia này. Nhiều trường đại học trên thế giới đang có xu hướng tương tự: nỗ lực cải thiện vị trí cạnh tranh của họ trên bảng xếp hạng đại học toàn cầu bằng cách thu hút nhân tài hàng đầu từ các quốc gia khác.

---

**Bảng xếp hạng đại học toàn cầu và Thế vận hội Olympic đều có tính cạnh tranh cao, tạo cho người tham gia cơ hội giành được những phần thưởng danh giá, uy tín, giúp người tham gia thấy rõ triển vọng thành công trong tương lai.**

---

#### Vinh quang sụp đổ: Mặt trái của chiếc huy chương

Đáng buồn thay, các cuộc thi diễn ra quanh chúng ta đều có mặt tối. Tham nhũng trong thế giới bóng đá chuyên nghiệp, các vụ bê bối doping ở các cuộc đua xe đạp, các Thế vận hội Olympics không thiếu những hiện tượng phi thể thao như vậy. Các vận động viên sử dụng doping để nâng cao hiệu suất, còn trong cuộc đua giành thứ hạng của các trường đại học thì cách gian lận để nâng cao thành tích hay được sử dụng là công bố các công trình nghiên cứu ở một số tạp chí, mặc dù là các ấn bản vì lợi nhuận, nhưng do những sai lầm nào đó vẫn được thống kê chỉ số truy cập trong các cơ sở dữ liệu chính như Web of Science hoặc Scopus. Một thực tế khác nữa

là một số tổ chức đánh giá tập trung vào mục tiêu tìm kiếm lợi ích thương mại cho chính họ hơn là đo lường chất lượng hoạt động của các trường đại học một cách khách quan.

Vì sao lại có những hành vi gian lận đó? Để có được vinh quang trong bảng xếp hạng, cũng giống như để chiến thắng trên các sân chơi Olympic đòi hỏi một cam kết lâu dài, một quyết tâm cao. Nếu thất bại, cái giá phải trả là rất lớn khiến những người tham gia cuộc chơi sẵn sàng làm bất cứ điều gì có thể để đạt mục đích.

#### **Citius, Altius, Fortius - Phải chăng phương châm đúng, nhưng cuộc chơi đang diễn ra theo cách thức sai lầm?**

Nhanh hơn, cao hơn, mạnh hơn - có ai lại không xúc động vì lời kêu gọi đến với vinh quang đầy cảm hứng này? Các huy chương - giải thưởng trong các cuộc thi Olympic được trao cho các vận động viên thi đấu xuất sắc nhất theo thứ tự từ cao xuống thấp. Điều này thoả mãn được các vận động viên hàng đầu thế giới. Nhưng trong cuộc đua thứ hạng toàn cầu của các trường đại học, việc đánh giá thành tích phải vượt ra ngoài khuôn khổ thứ tự trong danh sách xếp hạng. Một trường đại học khi cam kết theo đuổi con đường dẫn tới sự vĩ đại - nhanh hơn, cao hơn, mạnh hơn - phải dựa trên một sự hiểu biết sâu sắc về bản chất phức tạp và đa diện của các trường đại học, cũng như phải nghiên cứu kỹ cách thức một tổ chức giáo dục có thể cùng lúc nuôi dưỡng tốt nhất sự phát triển lành mạnh, năng động của chính nó cũng như đem đến lợi ích cho cộng đồng.

Những nỗ lực có tính nền tảng đó, bên ngoài sự phô trương của đèn màu và những khúc khải hoàn, cần phải được triển khai thận trọng, có mục đích và nhất quán. Đồng thời, cũng cần nhận thức rằng không phải tất cả các trường đại học cần tham gia vào cuộc đua đẳng cấp Olympic, điều quan trọng hơn với họ là tập trung vào việc cung cấp một dịch vụ đào tạo tốt cho sinh viên và phục vụ nhu cầu của cộng đồng địa phương. Các bảng xếp hạng, cũng như Thế vận hội, là sân chơi dành cho một số ít những trường đại học tìm kiếm đẳng cấp. ■

---

# Hệ thống giáo dục đại học tốt của quốc gia – các bài học từ Bảng xếp hạng U21

Ross Williams

*Ross Williams là giáo sư nghiên cứu cao cấp tại Viện Ứng dụng Kinh tế và Nghiên cứu Xã hội, Đại học Melbourne, Victoria, Úc, 3101. Ông chủ trì dự án xếp hạng Universitas 21 (U21), chi tiết có thể xem tại [www.universitas21.com](http://www.universitas21.com), Email: [rossaw@unimelb.edu.au](mailto:rossaw@unimelb.edu.au).*

Xét như một hệ thống tổng thể, bản chất và chất lượng của hệ thống giáo dục đại học không chỉ thể hiện trong việc tăng cường các hoạt động nghiên cứu chuyên sâu, mà còn liên quan đến việc phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa của quốc gia. Tuy nhiên, xếp hạng quốc tế của các trường đại học đang dựa nhiều vào hoạt động nghiên cứu, phần lớn bỏ qua giảng dạy và đào tạo, học bổng và ảnh hưởng cộng đồng. Các bảng xếp hạng đang ảnh hưởng đến hành vi của các trường đại học, đặc biệt là ở châu Âu, châu Á và châu Đại Dương, dẫn đến giảm tính đa dạng của các tổ chức giáo dục đại học.

---

**Trong nỗ lực chuyển mối quan tâm từ xếp hạng các trường đại học sang xếp hạng hệ thống giáo dục đại học như một tổng thể, năm 2012 nhóm U21 của một số trường đại học đã tiến hành dự án định lượng hiệu suất của hệ thống giáo dục đại học từng quốc gia.**

---

## Phương pháp luận của bảng xếp hạng U21

Trong nỗ lực chuyển mối quan tâm từ xếp hạng các trường đại học sang xếp hạng hệ thống giáo dục đại học như một tổng thể, năm 2012 nhóm U21 của một số trường đại học đã tiến hành dự án định lượng hiệu suất của hệ thống giáo dục đại học từng quốc gia. Mức độ phủ là xem xét tất cả các trường cao đẳng đại học, là các trường cung cấp ít nhất một chương trình đào tạo hai năm cho đối tượng học xong phổ thông. Năm mươi quốc gia được xem xét với các mức thu nhập bình quân đầu người khác nhau, từ Indonesia và Ấn Độ nơi có thu nhập thấp đến các nước đã phát triển có thu nhập cao. Hiệu suất hệ thống giáo dục đại học được đánh giá bởi 25 chỉ tiêu và chia thành bốn nhóm: nguồn lực, môi trường

chính sách, kết nối-tham gia và đầu ra. Chỉ số nguồn lực bao gồm chi phí tư nhân và nhà nước, cũng như phần trăm GDP chi cho đào tạo và chi phí trên đầu sinh viên. Các chỉ số môi trường chính sách bao gồm mức độ độc lập về tài chính và học thuật của các trường, sự đa dạng của các trường, việc giám sát thực thi các tiêu chuẩn và góc nhìn từ doanh nghiệp. Chỉ số kết nối được đo bằng số công trình công bố chung với các doanh nghiệp và với các đồng tác giả quốc tế, kết nối web, các cuộc khảo sát về ý kiến của doanh nghiệp và tầm quan trọng của các sinh viên ngoại quốc. Các chỉ số đầu ra bao gồm hiệu quả hoạt động nghiên cứu, tỷ lệ tham gia và vị thế của ba trường đại học hàng đầu quốc gia. Dữ liệu quốc tế hiện không đủ để so sánh chất lượng sinh viên tốt nghiệp, nhưng một chỉ tiêu thay thế để đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp so với mong đợi của cộng đồng là tỷ lệ thất nghiệp của sinh viên khi ra trường.

Với mỗi một chỉ số, quốc gia thực hiện tốt nhất được cho điểm 100. Các chỉ số cụ thể của từng nước được chuẩn hóa theo thang điểm 100 này và xếp hạng theo bốn nhóm chỉ tiêu và sau đó tính điểm tổng hợp và xếp hạng tổng thể. Điểm số tổng được tính dựa trên 40% chỉ số đầu ra và 20% cho mỗi một chỉ tiêu khác. Hạn chế của bảng xếp hạng (không phải là điểm số) là không đủ tất cả các nước, điều đó có nghĩa là với các nước có hệ thống kém phát triển, thứ hạng này có thể được phóng đại.

## Chính sách sử dụng các độ đo

Cũng giống như các bảng xếp hạng từng trường đại học, quan tâm của các phương tiện truyền thông chủ yếu tập trung vào các thứ hạng tổng thể. Tuy nhiên chính điểm số và thứ hạng cho các nhóm chỉ tiêu và các chỉ tiêu riêng biệt, cùng với các mối quan hệ giữa chúng - mới cung cấp thông tin cho việc hoạch định chính sách giáo dục đại học.

Bố trí nguồn lực phù hợp cùng với môi trường chính sách thuận lợi là việc cần thiết để có được hệ thống giáo dục đại học quốc gia chất lượng cao hơn. Các bài học có thể được rút ra từ việc xem xét các mối tương quan giữa chỉ số yếu tố đầu vào (nguồn lực và môi trường) và chỉ số kết quả cuối cùng (kết nối và đầu ra). Trong số các chỉ số đầu ra, tỷ lệ tham gia và trình độ dân chúng liên quan chặt chẽ với mức chi tiêu cho giáo dục, nhưng nó lại không bị ảnh hưởng rõ rệt bởi mức tài trợ là từ

chính phủ (như ở các nước Bắc Âu) hay là chi phí tư nhân (như tại Hàn Quốc). Mặt khác, hoạt động nghiên cứu được gắn kết chặt với chi phí của các trường đại học về nghiên cứu và phát triển và tài trợ cho khoản này chủ yếu là từ chính phủ. Mức đo hiệu quả tổng hợp của hệ thống là so sánh thứ hạng của quốc gia về các chỉ tiêu đầu ra với các nguồn lực đầu vào. Để minh họa, hai quốc gia có thứ hạng hoạt động nghiên cứu cao hơn nhiều so với thứ hạng của nguồn lực là Vương quốc Anh và Trung Quốc. Ở cả hai nước, tài trợ nghiên cứu của chính phủ tập trung cho một số trường đại học được chọn lọc, cho thấy đây là một cách nhanh chóng để nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu. Khả năng kết nối cũng liên quan chặt chẽ với các nguồn lực.

### Hội nhóm Quốc gia?

Sau bốn năm xếp hạng đã nổi bật lên một số xu hướng đáng chú ý. Hiện các chỉ số cho nhiều nước đã cải thiện liên tục, do đó để giữ được thứ hạng thì một nước phải cải thiện nhanh hơn mức độ cải thiện trung bình. Có rất ít bằng chứng của việc tụ nhóm trong hệ thống giáo dục đại học các quốc gia trong vòng bốn năm. Sử dụng độ lệch chuẩn của các chỉ số như một chỉ tiêu đo độ hội tụ, điểm số tổng thể có một sự gia tăng nhỏ trong phân kỳ và chỉ ở nhóm chỉ tiêu kết nối là có sự hội tụ. Kết quả nghiên cứu đã che giấu các biến động đáng kể đối với mỗi quốc gia. Các nước tăng tốt nhất là Trung Quốc và Nam Phi, Chile và Hungary cũng cải thiện được thứ hạng của họ. Các nước bị tụt hạng gồm Ukraine, Bulgaria, Serbia, Hy Lạp, Tây Ban Nha và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong một số chỉ tiêu cụ thể vài chỉ tiêu có mức độ hội tụ xác đáng, ví dụ như tỷ lệ tham gia và chi tiêu từ GDP cho giáo dục đại học.

### Những hệ thống nào vận hành tốt nhất?

Như vậy, hệ thống giáo dục đại học quốc gia nào sẽ vận hành tốt nhất? Không có mô hình nào duy nhất chiếm ưu thế. Các nước Bắc Âu vận hành đại học tốt với một hệ thống hợp tác khá chặt chẽ giữa các trường đại học, chính phủ và doanh nghiệp, với đầu tư cao cho nghiên cứu và phát triển. Tương tự, Thụy Sĩ đặc biệt mạnh trong việc kết nối trong nước và quốc tế. Liệu mô hình này có thể áp dụng trong một nền kinh tế lớn nơi các mối giao tiếp phức tạp hơn không? Ở một phân khúc khác, hệ thống giáo dục đại học của Mỹ phân tán nhiều hơn, ít phụ thuộc vào nguồn tài trợ của chính phủ và lại đang

được xếp hàng đầu về mặt tổng thể. Tuy nhiên, có một kết luận chặt chẽ được đưa từ các bảng xếp hạng: các hệ thống giáo dục đại học quốc gia tồi tệ nhất là ở những nước chính phủ kiểm soát chặt chẽ nhưng mức độ đầu tư từ ngân sách lại thấp.

Khi xây dựng chính sách quốc gia, các chính phủ nên xem xét các thuộc tính của những nước có cùng quy mô, có mức thu nhập tương tự và có hệ thống giáo dục đại học đang hoạt động tốt. Các thuộc tính của một hệ thống giáo dục đại học “tốt” phụ thuộc một phần vào mức thu nhập bình quân đầu người của quốc gia. Với các quốc gia có mức thu nhập thấp, cần tập trung vào giảng dạy và đào tạo, còn công việc nghiên cứu thì nên tập trung vào việc nhập khẩu và truyền lan những ý tưởng mới. Trong bảng xếp hạng phụ của U21, các quốc gia được đánh giá tương ứng với GDP bình quân đầu người. Trung Quốc, Ấn Độ và Nam Phi tăng hạng lên đáng kể trong bảng xếp hạng sử dụng biện pháp này.

Mặt bên kia của đồng xu là xem làm thế nào các chỉ số như kết nối, mức chất lượng, chỉ tiêu cho nghiên cứu ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế. Sự khác biệt ở đây có thể là lớn và các câu trả lời là sẽ phải chờ đợi dữ liệu vài năm nữa. Lý tưởng nhất, bài toán này đòi hỏi đưa vào danh sách xếp hạng thêm nhiều nước có thu nhập thấp, nhưng khi đó cần có dữ liệu tốt hơn. ■

## U-Multirank và các trường Đại học châu Mỹ Latinh

Ana García De Fanelli

*Ana García de Fanelli là học giả nghiên cứu cao cấp tại Hội đồng Quốc gia Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ, Trung tâm nghiên cứu của Nhà nước và Xã hội ở Buenos Aires, Argentina. E-mail: anafan@cedes.org.*

Cuộc khảo sát U-Multirank đầu tiên được tiến hành vào năm 2014. Đó là một cách tiếp cận đa chiều định hướng người dùng để xếp hạng giáo dục đại học quốc tế. Bảng này xếp hạng hơn 850 trường đại học trên toàn thế giới, một số trường nằm ở châu Mỹ Latinh. Sáng kiến này được Liên minh châu Âu hỗ trợ thực hiện.

Không giống như các bảng xếp hạng quốc tế khác, chẳng hạn như Academic Ranking of World Universities (ARWU) hoặc bảng xếp hạng đại học của Times Higher Education (THE) với trọng tâm chủ yếu là đánh giá hoạt động nghiên cứu,



U-Multirank giải quyết một cách đa chiều về hoạt động giáo dục đại học, như dạy và học, chuyển giao tri thức, quốc tế hóa và sự tham gia vào các hoạt động trong khu vực. Ngoài ra và cũng là quan trọng nhất, người dùng có thể chọn những lĩnh vực hoạt động mà mình quan tâm để so sánh các trường đại học với nhau. Ngoài các dữ liệu thường được sử dụng bởi bảng xếp hạng quốc tế khác, chẳng hạn như trách lượng thư mục và cơ sở dữ liệu sáng chế, U-Multirank thu thập thông tin do các trường cung cấp (thông qua bảng câu hỏi về trường) và từ sinh viên (thông qua khảo sát của sinh viên tại các trường đại học tham gia).

---

**U-Multirank giải quyết một cách đa chiều về hoạt động giáo dục đại học, như dạy và học, chuyển giao tri thức, quốc tế hóa và sự tham gia vào các hoạt động trong khu vực.**

---

Thật không may, thông tin về các chỉ số mang tính phi nghiên cứu chỉ có sẵn ở một vài trường đại học châu Mỹ Latinh. Bài viết này thảo luận về việc làm thế nào nhiều trường đại học châu Mỹ Latinh có thể tham gia vào sáng kiến thú vị và cần thiết này trong một tương lai gần. Các dự án tương tự ở châu Mỹ Latinh đang được thảo luận kèm theo việc phân tích cách thức có được dữ liệu trả lời bộ câu hỏi theo yêu cầu của U-Multirank với từng trường.

### Kinh nghiệm tương tự ở châu Mỹ Latinh

Để đáp ứng các bảng xếp hạng quốc tế định hướng nghiên cứu, các trường đại học châu Mỹ Latinh đã bắt đầu tham gia vào các dự án quốc gia và quốc tế, nhằm cung cấp dữ liệu và các chỉ số trên nhiều khía cạnh hoạt động và kết quả đầu ra của trường.

Hệ thống thông tin tích hợp cho các tổ chức giáo dục đại học ở châu Mỹ Latinh dành cho lĩnh vực giáo dục đại học chung với châu Âu (INFOACES - The Integrated Information System for Higher Education Institutions in Latin America for the Common Higher Education Area with Europe), được tài trợ bởi Ủy ban châu Âu trong chương trình Đào tạo Hàn lâm Mỹ Latinh (ALFA), có mục tiêu tương tự như U-Multirank. Mạng lưới bao gồm 33 đối tác đến từ 23 quốc gia (18 ở châu Mỹ Latinh và 5 ở châu Âu). Trường Đại học Bách khoa Valencia (Tây Ban Nha) điều phối dự án này.

Trang web INFOACES cung cấp cho người dùng các thông tin cơ bản về các trường đại học và trang web của họ, danh sách các bằng cấp của các ngành học, tổng số sinh viên (hoặc số lượng sinh viên theo học mỗi ngành học nếu dữ liệu có sẵn) và số lượng giảng viên của trường. Các trường đại học là thành viên của mạng có thể truy cập vào một cơ sở dữ liệu riêng với các thông tin bổ sung hỗ trợ cho các quyết định quản lý. Họ cũng có quyền truy cập vào hệ thống PROFLEX (The Flexible Professional in the Knowledge Society), là một nền tảng để triển khai việc giám sát sinh viên đã tốt nghiệp thông qua các cuộc điều tra trực tuyến.

Mặc dù chỉ giới hạn cho các tổ chức giáo dục đại học Mexico, cơ sở dữ liệu EXECUM (Nghiên cứu So sánh các trường Đại học Mexico) được Universidad Nacional Autónoma de México tạo lập, cung cấp một góc nhìn sâu sắc về các khía cạnh bổ sung trong hoạt động của các trường. Trang web này cung cấp cho người dùng thông tin so sánh về giảng dạy, nghiên cứu và tài chính. Nó thậm chí còn cung cấp các kết quả cụ thể liên quan đến các chính sách đảm bảo chất lượng của Mexico, chẳng hạn như các chương trình được kiểm định và số lượng các nhà nghiên cứu thuộc Hệ thống nghiên cứu viên quốc gia (SNI). Trong EXECUM có một số lĩnh vực được cung cấp thông tin chi tiết, chẳng hạn như khoa học và công nghệ, các lĩnh vực khác như quá trình giảng dạy và đầu ra thì có ít thông tin hơn.

### Dữ liệu yêu cầu trong bảng câu hỏi với trường

Sáng kiến ở châu Mỹ Latinh hiện tại là một điểm khởi đầu tốt để tích cực đưa các tổ chức giáo dục đại học vào U-Multirank. Nhưng dữ liệu theo yêu cầu của bảng câu hỏi về đầu vào, đầu ra và nguồn tài chính thì khó có thể có được từ hầu hết các trường đại học.

Ví dụ, dữ liệu đầy đủ về sinh viên quốc tế tại mỗi trường (sinh viên nước ngoài đến học hoặc đến tham gia trong các chương trình giao lưu quốc tế) hiếm khi có sẵn, số lượng sinh viên đi thực tập và số lượng sinh viên tốt nghiệp trong thời gian học tập tiêu chuẩn cũng thế. Đối với sinh viên tốt nghiệp, với các trường đại học châu Mỹ Latinh - ngoài một số trường ở Chile - thường thiếu một hệ thống theo dõi để biết được các cựu sinh viên đang tiếp tục học hoặc đã đi làm. Một số trường đại học châu Mỹ Latinh có hệ thống giám sát sinh viên tốt nghiệp cho một số loại bằng cấp nhất định, nhưng

điều này không được thực hiện một cách có hệ thống. Một số dữ liệu về tài chính cũng rất khó để có được, đặc biệt là tổng doanh thu của các trường cho mỗi hạng mục (ngân sách cơ bản, học phí, thu nhập bên ngoài từ hoạt động nghiên cứu, thu nhập từ các hợp đồng chuyển nhượng bản quyền). Điều này lại càng đặc biệt khó khăn với các trường đại học tư. Cuối cùng, thực sự không rõ là kinh phí của các trường đại học châu Mỹ Latinh được phân bổ giữa nghiên cứu, giảng dạy và các hoạt động chuyển giao tri thức như thế nào.

Tất nhiên, chúng ta cần thấy rằng số lượng và chất lượng số liệu thống kê về giáo dục đại học tại châu Mỹ Latinh là khác nhau tùy theo quốc gia và thậm chí tùy từng trường.

### Kết luận

Khó khăn trong việc thu thập dữ liệu của các trường đại học châu Mỹ Latinh không có nghĩa là họ không thể tham gia vào U-Multirank hoặc các hệ thống tương tự khác nhằm cải thiện tính minh bạch về giáo dục đại học trong tương lai. Để đạt được mục tiêu này, cần có các chính sách khuyến khích phù hợp (tăng lợi ích tiềm năng, giảm chi phí minh bạch hóa) cho các trường đại học tham gia. Các trường đại học cũng cần đảm bảo nguồn nhân lực, tài chính và công nghệ phù hợp để tạo ra được các thông tin này.

Hệ thống giáo dục đại học có những đặc điểm của hàng hóa công, nó không độc quyền và không mang tính cạnh tranh. Nếu giáo dục đại học mang tính chất hàng hóa công thì chính phủ phải có trách nhiệm đảm bảo cho việc cung cấp thông tin về dịch vụ này. Không chắc rằng mỗi trường đại học châu Mỹ Latinh sẽ chủ động tạo ra đủ dữ liệu có chất lượng để đáp ứng nhu cầu xã hội về thống kê giáo dục đại học. Đặc biệt, không chắc họ sẽ duy trì nỗ lực thường xuyên để thu thập dữ liệu về giảng dạy, về đầu ra và về quốc tế hóa. Để thực hiện trách nhiệm của mình, chính phủ các nước châu Mỹ Latinh phải tham gia vào công việc mang tính đổi mới này, khuyến khích các trường đại học bằng các cơ chế tài chính và các ưu đãi khác để tạo lập thông tin dựa trên các chỉ số hiệu quả hoạt động đại học và công bố chúng một cách thường xuyên. ■

## Cuộc khủng hoảng người tỵ nạn Syria và giáo dục đại học

Hans de Wit và Philip G. Altbach

*Giáo sư Hans de Wit là Giám đốc Trung tâm Giáo dục đại học quốc tế, Boston College. E-mail: dewitj@bc.edu. Philip G. Altbach là giáo sư nghiên cứu và Giám đốc sáng lập của Trung tâm này. E-mail: altbach@bc.edu.*

Tình trạng khủng hoảng người tỵ nạn leo thang nhanh chóng tại châu Âu đang là chủ đề nổi bật trên các trang tin quốc tế trong thời gian qua, nhưng thật bất ngờ, chỉ gần đây thôi, cộng đồng giáo dục đại học mới bắt đầu cảnh báo về vai trò của cũng như nghịch lý mà lĩnh vực này sẽ phải đối mặt. Vì vậy, việc nghiên cứu về nhu cầu cũng như thách thức của giáo dục đại học như là hệ quả của cuộc khủng hoảng này là điều cần thiết.

Làn sóng di cư tỵ nạn, chủ yếu từ Syria và còn bao gồm cả từ Eritrea, Libya, Afghanistan, vùng lãnh thổ Kurd và Iraq, được ghi nhận lên đến con số hàng trăm ngàn người. Con số này cần được tính gộp vào số lượng đáng kể những người từ châu Phi cố gắng di dời tới châu Âu trong những năm qua. Động lực của làn sóng nhập cư này bao gồm cả lý do chính trị và kinh tế: người tỵ nạn muốn thoát khỏi chủ nghĩa khủng bố, nội chiến và đói nghèo tại quê hương. Trong nhiều năm qua, nỗ lực của những người tỵ nạn châu Phi cố gắng vượt qua Địa Trung Hải thường được xem là bi kịch của con người, là hệ quả của tình trạng kinh tế khó khăn và ít nhận được sự giúp đỡ từ các quốc gia “tiếp nhận” cũng như cộng đồng và chính phủ của các quốc gia này. Làn sóng tỵ nạn mới từ Trung Đông, đặc biệt từ Syria, dường như đang nhận được nhiều phản ứng tích cực hơn ít nhất từ phía Tây Âu, mặc dù tại một số quốc gia khu vực Trung và Đông Âu như Hungary thì không được thể hiện tính chào đón như thế.

**Động lực của làn sóng nhập cư này bao gồm cả lý do chính trị và kinh tế: người tỵ nạn muốn thoát khỏi chủ nghĩa khủng bố, nội chiến và đói nghèo tại quê hương.**

## Tiềm năng nguồn nhân lực từ người tỵ nạn Trung Đông

Tại sao cần đặt vấn đề này? Trước tiên, những người tỵ nạn Syria đang rời bỏ một đất nước mà ở đó cả chính phủ của Tổng thống Assad lẫn Nhà nước Hồi giáo IS đều dính vào các hành động khủng bố kinh hoàng chống lại người dân địa phương. Dân tỵ nạn thường được nhìn nhận như các nạn nhân chính trị (điều có thể tạo nên sự thông cảm tại nước tiếp nhận) hơn là những người tỵ nạn kinh tế. Những người tỵ nạn từ Iraq và vùng lãnh thổ Kurd cũng được nhìn nhận theo cách thức tương tự.

Mặt khác và khi xét đến yếu tố giáo dục, người tỵ nạn từ Syria, Iraq và vùng lãnh thổ Kurd thường được đánh giá là được đào tạo tốt hơn và do đó có nhiều tiềm năng hơn để hoà nhập vào xã hội cũng như thị trường lao động tại nước tiếp nhận. Trong cuộc chiến cạnh tranh tài năng hiện nay, những người tỵ nạn này không nên chỉ được xem là các nạn nhân và là thành tố tiêu hao tiền của cho nền kinh tế địa phương, mà về mặt dài hạn cần được chào đón như các tài năng tương lai của nền kinh tế tri thức.

Nhiều hãng truyền thông đã đưa tin về các chuyên gia trẻ, nói được tiếng Anh từ Trung Đông thể hiện mong muốn của họ được học tiếp hoặc được nhận làm những việc đòi hỏi có kỹ năng và đóng góp cho nền kinh tế châu Âu.

Trong khi đang phải vật lộn với vấn đề về số lượng và khả năng tiếp nhận, nước Đức và một số quốc gia châu Âu khác cũng đang nắm lấy tiềm năng này bằng cách xây dựng chính sách của mình một cách tinh tế hơn. Mặc dù rất dễ hiểu là vấn đề nhân đạo đang là nội dung chính của các phát biểu chính thức, các nhà chức trách của Đức cũng đang thể hiện rõ rằng những người tỵ nạn cũng có thể xem là tài sản cho nước Đức và các nước châu Âu khác trong ngắn hạn và đặc biệt là dài hạn. Các trường đại học Đức đang kỳ vọng sẽ tiếp nhận 10 ngàn sinh viên trong số 800 ngàn người tỵ nạn đang nhập cư vào nước của họ.

Ít nhất tại thời điểm này, rất ít ý kiến nêu lên vấn đề “chảy máu chất xám” đối với Syria và Iraq. Thách thức hiện tại đang che phủ hệ quả lâu dài và trong mọi tình huống, phần lớn các nước châu Âu thể hiện rất ít mối lo lắng về mặt đạo đức trong việc giữ chân nhân tài từ các nước nghèo hơn. Các nghiên cứu hiện tại thường là các thảo luận về “tỷ lệ ở lại” và việc sử dụng nhân tài nước ngoài mà bỏ qua nhu cầu nhân lực tại các quốc gia nơi người tỵ nạn ra đi. Khi có ai đó có thể hy vọng rằng những

công dân Syria và Iraq được đào tạo tốt sẽ trở về nước mình khi tình hình được cải thiện, thì các số liệu thống kê cho thấy thực chất có rất ít người tỵ nạn làm như vậy.

## Trách nhiệm, thách thức và cơ hội dành cho cộng đồng khoa học

Tại một số ít nước, sinh viên, cộng đồng khoa học, các trường đại học và chính phủ đã bắt đầu triển khai cách thức giúp đỡ các nhà khoa học trẻ, sinh viên và tất nhiên là các học giả và giảng viên trong số những người tỵ nạn từ Syria và Đông Âu hoà nhập vào nền giáo dục. Điều này được thể hiện qua việc tăng số lượng học bổng, tăng nhanh quá trình đánh giá bằng cấp cũng như tổ chức các khoá đào tạo ngôn ngữ và cung cấp cơ sở vật chất như ký túc xá. Các tổ chức như Cơ quan trao đổi học thuật Đức DAAD, EP Nuffic – Hà Lan và Viện Giáo dục quốc tế - Hoa Kỳ đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc đưa vấn đề người tỵ nạn vào trong lộ trình chung của giáo dục đại học cũng như hỗ trợ học bổng và giúp đỡ khác về mặt hậu cần.

Bản thân các trường đại học cũng đóng vai trò quan trọng. Họ phản ứng nhanh và độc lập theo nhiều cách. Họ giảm bớt các thủ tục nhiều khâu trong quá trình tuyển sinh, mở nhiều khoá học cho sinh viên là người tỵ nạn, cung cấp dịch vụ tư vấn và các dịch vụ khác cho những sinh viên này cũng như gia đình của họ. Vì phần lớn sinh viên không có các bằng chứng về bằng cấp phù hợp đã có, các trường đại học thông qua kiểm tra và các hình thức khác, có thể xác định được trình độ học phù hợp cho sinh viên. Trong một số trường hợp, cần phải đào tạo thêm về ngôn ngữ và văn hoá.

Tất cả các điều này đều đòi hỏi cam kết về nguồn lực con người và tài chính. Trong thời điểm khó khăn về tài chính, đây không phải nhiệm vụ dễ dàng. Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức như Liên minh Châu Âu có thể và cần phải tham gia hỗ trợ.

Một thách thức khác nữa cần được đề cập đến, bởi đó là điều mà các chính phủ như Hoa Kỳ và Anh Quốc và có thể nhiều nước khác vẫn rất lo lắng. Đó là việc đảm bảo sao cho những người tỵ nạn sau khi đã được nhập học tại các trường đại học sẽ hoàn toàn tập trung vào học hành thay vì chuyển thành mối hiểm nguy về mặt an ninh. Với nhiều người Hoa Kỳ, ký ức về sự kiện ngày 9 tháng 11 vẫn còn rất lớn.

Bản thân các trường đại học cũng sẽ nhận ra là việc phản ứng tích cực với cuộc khủng hoảng này sẽ đem lại lợi ích cho họ trong việc quốc tế hoá và cung cấp cho cộng đồng khoa học cơ hội tương tác xã hội.

Cũng đã có một số kế hoạch nhằm xây dựng các trường đại học dành riêng cho người tỵ nạn trong khu vực. Thấy rõ nhất là 3 dự án của các Quỹ Hồi giáo nhằm xây dựng các trường đại học loại này tại Thổ Nhĩ Kỳ. Thách thức đối với các kế hoạch này là tìm được giảng viên phù hợp, đảm bảo đào tạo được liên tục và có chất lượng.

Bản thân việc thành lập một trường đại học nói chung là một quá trình rất khó khăn và tốn kém. Thành lập trường đại học dành cho các sinh viên là dân tỵ nạn đã bị chấn thương về tâm lý càng khó khăn hơn.

**Nhiều hãng truyền thông đã đưa tin về các chuyên gia trẻ, nói được tiếng Anh từ Trung Đông thể hiện mong muốn của họ được học tiếp hoặc được nhận làm những việc đòi hỏi có kỹ năng và đóng góp cho nền kinh tế châu Âu.**

#### Kết luận

Tất cả những nỗ lực nêu trên đều đáng tán dương nhưng vấn đề nảy sinh cũng rất nhiều. Riham Kusa đã viết trên tờ Al-Fanar (01/9/2015), nghịch lý của sinh viên là phải lựa chọn giữa việc trả tiền cho những kẻ môi giới vượt biên hay cố gắng tìm kiếm cơ hội học bổng ở châu Âu. Và thật không may, xác suất để rơi vào việc thứ nhất lại cao hơn việc thứ hai. Thách thức đối với cộng đồng học thuật châu Âu là làm sao để tăng được cơ hội tiếp cận đại học cho những người tỵ nạn này.

Cuộc khủng hoảng càng kéo dài, thì khó khăn trong việc sắp xếp đủ chỗ học đại học cho người tỵ nạn càng lớn và vấn đề chảy máu chất xám càng nghiêm trọng. Kinh nghiệm cho thấy, người tỵ nạn nếu rời xa quê hương quá lâu và càng hoà nhập tốt với cuộc sống mới thì càng ít có xu hướng trở về. Tuy vậy, đó cũng không phải là lý do để cộng đồng đại học từ chối hỗ trợ người tỵ nạn Syria thông qua việc cung cấp chỗ học và học bổng cho sinh viên, tạo việc làm cho các học giả cũng như các giải pháp khác. Điều này là cần thiết với châu Âu, Bắc Mỹ và nhiều nước khác trên thế giới, bao gồm cả những nước Ả rập láng giềng như Ả rập Saudi, Các tiểu vương quốc

Ả rập thống nhất, Qatar – những nước cho đến nay gần như vẫn chưa tham gia gì nhiều và qua đó đổ toàn bộ gánh nặng lên Liban và Jordan. ■

## Đại học Đức mở cửa cho người tỵ nạn: rào cản vẫn còn

**Simon Morriss-Lange và Florinda Brands**

*Simon Morriss-Lange là Phó trưởng nhóm nghiên cứu thuộc Hội đồng chuyên gia - Quỹ nước Đức về Hội nhập và Nhập cư. E-mail: morris-lange@svr-migration.de. Florinda Brand là chuyên gia về chính sách nhập cư sống tại Berlin, Đức. Email: florinda.brands@gmail.com. Các ý kiến và kết luận trong bài này không nhất thiết phản ánh ý kiến của Hội đồng chuyên gia - Quỹ nước Đức về Hội nhập và Nhập cư.*

Châu Âu, đặc biệt là Đức đang có một số lượng lớn người xin tỵ nạn trong những tháng vừa qua. Chỉ tính riêng 2015, số lượng đàn ông, phụ nữ và trẻ em đăng ký xin tỵ nạn tại Đức ghi nhận lên tới một triệu người – con số cao nhất trong lịch sử. Điều này đang tạo nên thách thức lớn cho nước Đức. Mặc dù vậy, thách thức lớn cũng tạo ra cơ hội lớn: phần lớn người xin tỵ nạn có tuổi đời dưới 25 và đây chính là phần bù hoàn hảo cho dân số già nua của nước Đức. Rất nhiều người tỵ nạn mới tới đã có kế hoạch học đại học trước khi rời bỏ quê hương của mình. Với việc nhiều trường đại học tại Đức cũng như nhiều cơ sở giáo dục đại học khác đang mở cửa chào đón những người tỵ nạn, rõ ràng nhu cầu học tập này không phải là không được lưu ý. Tuy vậy, việc tiếp tục học này dường như vẫn là một giấc mơ xa vời khi những rào cản về pháp lý và tài chính vẫn đang đặt ra những thách thức không dễ vượt qua. Với nước Đức nói riêng, thất bại trong việc gỡ bỏ các rào cản này hôm nay có thể dẫn đến hậu quả khó khăn trong việc hoà nhập trong tương lai, bởi theo ước tính có đến 35% người xin tỵ nạn dự kiến sẽ ở lại lâu dài.

#### Rào cản pháp lý

Mặc dù câu hỏi xung quanh quy trình phê duyệt tỵ nạn và các giải pháp về hoà nhập vẫn tiếp tục xoay quanh các vấn đề nhân đạo, các cuộc thảo luận gần đây tại Đức về chủ đề này đã thay đổi theo góc độ nhìn nhận nhu cầu nguồn lực lao động trong tương lai. Trong bối cảnh đó, quy trình phê duyệt tỵ nạn tốn thời gian tại Đức đang bị chỉ trích vì nó

vô hình chung tạo ra tình trạng hàng nghìn người xin tỵ nạn trở thành vô công rồi nghề, trong khi việc có thể sớm tiếp cận học tập và đào tạo chắc chắn sẽ giúp hội nhập trong các lĩnh vực khác hiệu quả hơn. Người xin tỵ nạn trung bình phải đợi chờ 5,3 tháng – trong hàng nghìn trường hợp có khi lên đến hơn 1 năm – cho đến khi họ có thể biết chắc là họ có được bảo hộ hay không. Chỉ khi được bảo hộ họ mới có thể tự do đi lại cũng như tìm việc.

Về nguyên tắc, việc tiếp cận giáo dục đại học tại Đức dễ dàng hơn rất nhiều nước ở châu Âu khác. Ngày nay, người xin tỵ nạn đã không phải học theo các chương trình tự trả phí nữa. Cho đến tháng 8 năm ngoái, đã không còn bang nào tại Đức ngăn cấm các trường đại học tuyển sinh viên là người xin tỵ nạn khi chưa được xác nhận bảo hộ. Tuy vậy, vẫn chỉ có số lượng rất nhỏ người tỵ nạn tìm được vị trí trên các giảng đường. Một phần nguyên nhân của vấn đề này bắt nguồn từ yêu cầu về nhà ở trong thủ tục xin tỵ nạn. Trong những tháng phải chờ đợi quyết định, người xin tỵ nạn bị yêu cầu phải sống trong các khu hành chính được chỉ định từ trước. Không phải trường đại học nào cũng nằm gần khu hành chính dành cho người tỵ nạn, hoặc nếu gần thì có thể trường đại học đó lại không có chuyên ngành phù hợp, người xin tỵ nạn sẽ không thể đi học được cho đến khi họ chuyển được đến một khu hành chính phù hợp. Mặc dù có ưu tiên về thủ tục cho việc này, quy trình kéo dài đã làm nản lòng rất nhiều ứng viên. Số ít những người quyết tâm lại thường không chứng minh được là có hồ sơ nhập học phù hợp. Theo quy định chung, các trường đại học ở Đức yêu cầu ứng viên quốc tế phải cung cấp bằng tốt nghiệp phổ thông hoặc chứng chỉ học thuật nước ngoài để được nhập học. Ít nhất một trong số các chứng chỉ học thuật này phải được quy đổi tương đương với văn bằng ở Đức. Vì vậy ngay cả khi ứng viên mang văn bằng chứng chỉ ra làm minh chứng thì có thể họ vẫn chưa đủ điều kiện nhập học vào trường Đức.

### Rào cản tài chính

Ngoài khó khăn về pháp lý, người xin tỵ nạn còn gặp khó khăn khác về tài chính. Mặc dù việc học đại học tại Đức là miễn phí (không tính khoản phí quản lý nhỏ từ 100-300 euro thu định kỳ 6 tháng). Những người xin tỵ nạn vẫn phải trả tiền để mua tài liệu học tập cũng như chi phí sinh hoạt khoảng 800 euro/tháng. Mặc dù vậy, người xin tỵ nạn lại bị cấm đi làm trong vòng 5 tháng đầu tiên hoặc cho

đến khi họ được phê duyệt bảo hộ - tức là khoảng hơn 1 năm. Kết quả là người xin tỵ nạn buộc phải làm những việc mà họ không được nhận lương và hoàn toàn phụ thuộc vào mức trợ cấp chính phủ hàng tháng khoảng 212 euro. Mặc dù có chương trình vay vốn chính phủ dành cho sinh viên (BAföG), người xin tỵ nạn cũng không được nộp đơn tham gia chương trình này cho đến khi tình trạng tỵ nạn của họ được quyết định. Ngay cả gần đây, khi chính phủ đã cam kết sẽ giải quyết vấn đề, thực tế vẫn không có nhiều khác biệt khi người xin tỵ nạn vẫn chỉ có thể đăng ký xin vay vốn sau khi họ đã ở Đức ít nhất 15 tháng (quy định trước đây là 4 năm). Cuối cùng, người xin tỵ nạn còn gặp một khó khăn khác là quy định ngặt nghèo trong việc mở tài khoản ngân hàng, điều này dẫn đến các khó khăn cho họ trong việc nhận tiền trợ cấp cũng như trả tiền thuê nhà hoặc nộp phí cho trường.

### Một số giải pháp mới

Nhằm tháo gỡ các rào cản, chính phủ liên bang, chính phủ bang, các trường đại học và các dự án xã hội dân sự đã đưa ra một số giải pháp cụ thể. Vào tháng 8, Bộ Giáo dục và Khoa học liên bang Đức đã quyết định dành 2400 chỗ trong các trường dự bị đại học (Studienkollegs) cho sinh viên quốc tế nhằm chuẩn bị cho việc nhập học đại học chính thức. Bên cạnh đó, một số bang như Lower Saxony và Saarland đã đồng ý hạ tiêu chuẩn đầu vào cho ứng viên với điều kiện đã có đủ trình độ tiếng Đức và đã hoàn thành chương trình Studienkolleg.

---

### Vào tháng 8, Bộ Giáo dục và Khoa học liên bang Đức đã quyết định dành 2400 chỗ trong các trường dự bị đại học (Studienkollegs) cho sinh viên quốc tế nhằm chuẩn bị cho việc nhập học đại học chính thức.

---

Trong khi đó, bang Baden Wuerttemberg đã quyết định trao 50 suất học bổng trị giá tới 750 euro/tháng cho sinh viên người Syria đã được chấp nhận đơn tỵ nạn. Thêm vào đó, hàng chục trường khác như đại học Hildesheim và đại học Bayreuth cũng khuyến khích người xin tỵ nạn đi học tiếng Đức hoặc các khoá về kiểm toán. Một số khác còn đi xa hơn: đại học LudwigMaximilians tại Munich đã bắt đầu tiếp nhận sinh viên là người xin tỵ nạn và xem họ như sinh viên trao đổi, vì vậy họ có thể học lấy tín chỉ mà không cần biết tiếng Đức. Những nỗ lực

này bắt nguồn từ nhiều sáng kiến của các trường, ví dụ như đại học trực tuyến Kiron, một trường có thu học phí dành riêng cho người xin tỵ nạn, cấp bằng được kiểm định và liên kết với các trường đại học truyền thống - ví dụ như với đại học Rostock.

Với sự giúp đỡ từ các chương trình như vậy, người xin tỵ nạn càng ngày càng đóng vai trò chủ động hơn trong việc học tập phát triển chuyên môn của chính mình. Tuy vậy, vì hội nhập không phải là quá trình một chiều, bản thân các trường đại học cũng cần giúp sinh viên mới của họ có thể điều chỉnh để hoà hợp với đời sống sinh viên cả bên trong và bên ngoài khuôn viên trường. ■

## Tai họa về gian lận và tham nhũng trong giáo dục đại học

**Goolam Mohamedbhai**

*Goolam Mohamedbhai là cựu Hiệu trưởng Đại học Mauritus, đồng thời là cựu Tổng thư ký Hiệp hội Đại học Châu Phi. E-mail: g\_t\_mobhai@yahoo.co.uk.*

**K**hông lĩnh vực nào là ngoại lệ đối với gian lận và tham nhũng, kể cả khi đó là các lĩnh vực có ảnh hưởng trực tiếp đến phúc lợi xã hội như sức khoẻ, giáo dục, thể thao, chính trị hay tôn giáo. Giáo dục đại học cũng vậy. “Tham nhũng về nguồn lực, về danh tiếng đang tạo ra áp lực khủng khiếp đối với các cơ sở giáo dục đại học... Trong một số trường hợp, tham nhũng vẫn lan tràn trong hệ thống giáo dục và làm tổn hại đến danh tiếng của các sản phẩm nghiên cứu cũng như sinh viên tốt nghiệp, mặc cho nó có được làm tốt hay không”. Câu nói trên – trích từ Báo cáo minh bạch và tham nhũng toàn cầu trong lĩnh vực giáo dục năm 2013 – minh họa thực trạng này. Việc tham nhũng tràn lan trong giáo dục đã được biết đến vài thập kỷ gần đây. Điều có lẽ chưa được nhận diện đúng mức là mức độ trầm trọng và sự tăng trưởng của nó. Ngày nay, chúng ta hiếm khi thấy có tuần nào trôi qua mà không có một tin mới tường thuật lại các sự vụ tham nhũng trong giáo dục đại học. Các câu chuyện về tham nhũng không chỉ nói về một vài trường hợp sinh viên hay giảng viên đơn lẻ mà có khi là cả một trường đại học hoặc cả một quốc gia. Tham nhũng trong giáo dục đã vượt khỏi biên giới quốc gia và trở thành vấn đề toàn cầu. Và những gì chúng ta thấy có khi chỉ là bề mặt, là đỉnh của cả một tảng băng.

Mức độ ảnh hưởng của tham nhũng trong giáo dục đại học đến các nước phát triển và đang phát triển là như nhau, ngay cả khi động lực và các yếu tố tác động có khác nhau. Nói một cách ngắn gọn, tham nhũng tại phương Tây thường xuất hiện nhiều hơn trong quá trình thương mại hoá giáo dục đại học, trong xu hướng chuyển dịch trường đại học thành doanh nghiệp, thành đơn vị thu lợi nhuận và trong các liên kết đại học – doanh nghiệp mà tại đó khu vực doanh nghiệp thường tài trợ và kiểm soát luôn việc nghiên cứu của khu vực đại học. Tại các nước đang phát triển, tham nhũng thường bắt nguồn từ áp lực tuyển sinh tại các trường đại học hàng đầu, đặc biệt tại các chương trình định hướng nghề nghiệp cao cấp. Tại các nước này, tham nhũng cũng thường bắt nguồn từ các hành động mang tính cưỡng ép của giảng viên nhằm tăng thu nhập hay để thăng tiến trong chuyên môn thông qua việc xuất bản và nghiên cứu.

### Khảo sát trên toàn thế giới

Một khảo sát nhanh về gian lận và tham nhũng trong giáo dục đại học tại một số nước trên thế giới sẽ cho chúng ta cái nhìn rõ hơn về tính chất nghiêm trọng của vấn đề.

**Úc.** Tháng 4 năm 2015, chương trình Four Corners của hãng Thông tấn ABC phát hiện ra cách mà các trường đại học tại Úc thoả hiệp với các hành vi tham nhũng, chủ yếu bắt nguồn từ áp lực phải tuyển được sinh viên quốc tế và đảm bảo rằng họ sẽ vượt qua bài kiểm tra - tất cả đều vì mục tiêu thu được tiền. Các trường hợp được dẫn chứng bao gồm: gian lận tại đại lý tuyển sinh, các trường đại học để cho sinh viên ngành y tá tốt nghiệp với chất lượng không đạt tiêu chuẩn, việc đạo văn và gian lận tràn lan. Chương trình được gán một cái tên gọi khá phù hợp là “bằng cấp của sự lừa gạt”. Trong năm 2014, một chương trình khác cũng khảo sát tình trạng gian lận và tham nhũng tại các dịch vụ nhập cư trong và ngoài nước Úc, dẫn đến việc hàng nghìn sinh viên nước ngoài đã được nhận thẻ cư trú vĩnh viễn bất hợp pháp. Cũng điều này lại dẫn tiếp đến tình trạng sinh viên sau khi tốt nghiệp thất nghiệp tràn lan.

**Mức độ ảnh hưởng của tham nhũng trong giáo dục đại học đến các nước phát triển và đang phát triển là như nhau, ngay cả khi động lực và các yếu tố tác động có khác nhau.**

**Nga.** Tháng 9 năm 2014, một bài báo đăng trên tạp chí trực tuyến International Education Studies mô tả tình trạng tham nhũng đáng báo động tại nền giáo dục đại học Nga ngày nay. Bài báo này cho rằng có đến 50% sinh viên tại Nga – tương đương khoảng 7,5 triệu vào năm học 2008/2009 đang phải đối mặt với tham nhũng. Bài báo viết: “tham nhũng trong toàn bộ ngành giáo dục đại học tương đương với ngân quỹ của một quốc gia nhỏ”. Bài báo đưa ra một loạt trường hợp tham nhũng, ví dụ như một trường khoa nhận hối lộ 30 ngàn euro để giúp tuyển sinh một nghiên cứu sinh tiến sỹ, hay phản hồi của cảnh sát Moscow về việc có 30 đến 40 giáo sư bị phát hiện về việc nhận hối lộ để cho sinh viên điểm tốt.

**Châu Phi.** Báo cáo cho thấy vào tháng 5 năm 2015, các nhà chức trách tại Nam Phi đã ra lệnh đóng cửa 42 trường cao đẳng và đại học rôm vì tổ chức đào tạo chương trình rôm chưa được kiểm định, trong đó có 3 chương trình rôm có nguồn gốc từ Mỹ cấp bằng chỉ trong 15 ngày. Tại Nigeria, nước có nền giáo dục đại học lớn nhất châu Phi, nơi hay diễn ra tham nhũng nhất là trong cộng đồng giảng viên, bao gồm các nội dung: thăng tiến nghề nghiệp, xuất bản sách báo, thu tiền để nâng điểm và quấy rối tình dục. Năm 2012, một cuộc khảo sát 475 sinh viên khuyết danh tại 3 trường đại học ở Đông Phi cho thấy khoảng 1/3 thừa nhận rằng họ đã đạo văn và nguy tạo tài liệu tham khảo, 25% thừa nhận đã nhắc bài nhau trong khi làm bài kiểm tra và 5% thi hộ người khác. Ngay cả một nước nhỏ như Mauritius cũng không phải là ngoại lệ. Một vài phân hiệu của một số đại học tư của Ấn Độ mở tại Mauritius đang bị xem xét đóng cửa vì bị phát hiện là đã không hoàn thiện các bước phê duyệt cần thiết tại Ấn Độ.

**Trung Quốc.** Một bài báo đăng trên tạp chí điện tử Giáo dục đại học quốc tế vào năm 2015 mô tả tình trạng tham nhũng tại nền giáo dục đại học Trung Quốc như là một “khối u” ác tính và đề cập đến việc từ những năm 1990, tham nhũng đã gây

ra những ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động học thuật tại các đại học Trung Quốc. Về mặt nghiên cứu, bài báo đưa ra ví dụ về tình trạng đạo văn, biển thủ ngân sách nghiên cứu và thiên vị trong bổ nhiệm cán bộ nghiên cứu. Trước đây, tại Trung Quốc, giáo sư thường có địa vị xã hội cao với lương và đãi ngộ thoả đáng. Từ năm 1988, mức đãi ngộ bị chia thành 6-8 mức – có thể xem là hệ thống độc nhất trên toàn thế giới. Điều này dẫn đến việc số lượng giáo sư tăng nhanh chóng và qua đó dẫn đến không chỉ chức danh giáo sư bị mất giá mà việc thăng tiến khoa học bị chi phối bởi các quan hệ cá nhân hơn là dựa trên thành tích học thuật. Tương tự, việc tăng đột biến số lượng nghiên cứu sinh tiến sỹ dẫn đến các hành vi tham nhũng trong các trường đại học thuộc Bộ Giáo dục cũng như trong việc phân công giảng viên hướng dẫn.

**Ấn Độ.** Bê bối tham nhũng làm cả Ấn Độ bàng hoàng là vụ Vyapam. Vyapam là cơ quan thuộc Chính phủ bang Madhya Pradesh có nhiệm vụ tổ chức các kỳ thi đầu vào cho các vị trí công chức chính phủ cũng như tuyển sinh đại học, bao gồm cả việc tuyển sinh vào các trường “hot” như y dược. Trước đây đã có những báo cáo về việc không tuân thủ pháp luật của Vyapam, nhưng chỉ đến gần đây, người ta mới hình dung ra mức độ nghiêm trọng của quá trình tuyển sinh và tuyển dụng gian lận, liên đới tới nhiều chính trị gia, doanh nhân, quan chức cấp cao và khoảng 2500 người thi hộ. Hơn 2000 người đã bị bắt giữ. Tệ hơn, khoảng 10 người liên đới trực tiếp tới vụ gian lận đã chết với nghi ngờ họ bị thủ tiêu hoặc tự tử. Sự việc hiện vẫn trong thời gian xem xét của Cục Thanh tra Trung ương Ấn Độ.

**Xưởng làm bằng rôm**

Việc bán văn bằng, chứng chỉ giả của các đại học danh tiếng và việc vận hành các trường cấp bằng nhưng hiếm khi tổ chức đào tạo – hay còn gọi là “xưởng làm bằng rôm” đã trở nên rất phổ biến ngày nay. Nhiều trường hợp bị phát hiện mua bằng rôm liên quan đến cả các chính trị gia, lãnh tụ tôn giáo và quan chức cao cấp, từ cả các nước phát triển lẫn đang phát triển. Xưởng làm bằng rôm hiện chủ yếu tại Bắc Mỹ và châu Âu, trong khi một số khác nằm ẩn nấp và rải rác khắp thế giới. Cũng có nhiều trường đại học hoạt động mà không được kiểm định hoặc được kiểm định bởi tổ chức kiểm định rôm.

---

**Các nhà chức trách tại Nam Phi đã ra lệnh đóng cửa 42 trường cao đẳng và đại học rôm vì tổ chức đào tạo chương trình rôm chưa được kiểm định, trong đó có 3 chương trình rôm có nguồn gốc từ Mỹ cấp bằng chỉ trong 15 ngày.**

---

Cho đến nay, các nỗ lực nhằm chấm dứt nạn sản xuất bằng giả và bán bằng rôm vẫn chưa đạt được nhiều kết quả. UNESCO đã lập một cổng thông tin liệt kê danh sách của tất cả cơ sở giáo dục đại học được công nhận tại nhiều khu vực trên thế giới, đây là việc rất hữu ích. Trang web Wikipedia cũng liệt kê tất cả các cơ sở giáo dục đại học không được kiểm định trên toàn thế giới theo thứ tự abc. Tổ chức này cũng có một danh sách khác liệt kê các tổ chức kiểm định không được công nhận. Trong khi những việc này là rất hữu ích, bản chất phi chính thống về thông tin của Wikipedia không đảm bảo những gì công bố là chắc chắn, bản thân trang web này cũng thừa nhận danh sách của họ có thể không đầy đủ. Chưa có một tổ chức nào có thể công bố ra công chúng một danh sách các trường làm bằng rôm hoặc các tổ chức kiểm định rôm mà không e ngại bất kỳ sức ép về luật pháp hay chính trị nào, hoặc một phần cũng bởi các trường làm bằng rôm hoặc kiểm định rôm thường có xu hướng bất định, biến mất rất nhanh cũng y như cái cách mà họ xuất hiện.

### **Chặng đường phía trước**

Cuộc chiến chống tham nhũng trong giáo dục đại học là một nhiệm vụ khổng lồ, phần nhiều bởi nó liên quan đến quá nhiều bên cả trong và ngoài ngành. Nhưng việc chống lại vấn nạn tham nhũng là điều bắt buộc phải làm, vì nếu để nó lan rộng, hậu quả ở tầm mức quốc gia và quốc tế là vô cùng nghiêm trọng. Đã có nhiều chương trình hành động được đưa ra ở cấp độ tổ chức, quốc gia và quốc tế nhằm giải quyết vấn đề tham nhũng trong giáo dục đại học. Chúng cần được tăng cường và nhân rộng, các kinh nghiệm cần được chia sẻ.

Trường đại học Nairobi ở Kenya vừa xây dựng một chính sách chống tham nhũng bao trùm lên tất cả hoạt động trong trường, đặc biệt trong các nội dung giảng dạy và thi cử. Từ những năm 1990, trường đại học Mauritius cũng minh bạch hóa bằng cách dựa trên máy tính sử dụng kết quả học

tập của thí sinh ở bậc phổ thông để xét tuyển vào tất cả các ngành học đại học. Turnitin là phần mềm nổi tiếng nhằm phát hiện đạo văn và hiện nay còn có nhiều chương trình phát hiện đạo văn khác như PlagTacker hay Anti-Plagiarism. Đại học Botho, một trường tư thục nhỏ tại Botswana cũng vừa thành lập bộ phận trung thực học thuật và đã khá thành công trong việc giảm đạo văn của sinh viên nhờ việc sử dụng Turnitin và áp dụng chính sách chống đạo văn.

Ở quy mô quốc tế, Tổ chức Minh bạch quốc tế vừa thiết lập một công cụ chống tham nhũng nhằm cung cấp cho người dùng các nghiên cứu sẵn có về những vấn đề tham nhũng trong giáo dục đào tạo. Trung tâm Giáo dục đại học quốc tế tại Boston College, Hoa kỳ vừa thành lập trang giám sát tham nhũng giáo dục đại học, cung cấp các thông tin cập nhật (tin, bài, video...) về tham nhũng trong giáo dục đại học trên toàn thế giới, đóng vai trò như một diễn đàn nhằm tăng cường nhận thức và trao đổi thông tin. Viện quốc tế về kế hoạch giáo dục IIEP thuộc UNESCO cũng có một web dữ liệu (ETICO) nhằm trao đổi các vấn đề liên quan đến đạo đức và tham nhũng trong giáo dục gồm cả giáo dục đại học. Hội đồng kiểm định giáo dục đại học Hoa Kỳ CHEA dành một mục trong web của họ nói về bằng rôm, tổ chức kiểm định rôm. Trong năm 2009, tổ chức này cùng với UNESCO đã ra một bản tuyên bố làm sao để làm giảm vấn nạn bằng rôm trong giáo dục đại học. Gần đây vào tháng 7 năm 2015, Nhóm nghiên cứu về chất lượng quốc tế thuộc CHEA vừa công bố một dự thảo chính sách trong đó trình bày các công việc đảm bảo chất lượng cần làm để tạo nên khác biệt trong cuộc chiến chống tham nhũng trong giáo dục đại học.

Vào tháng 3 năm 2015, IIEP tổ chức Diễn đàn chính sách về tính liêm chính trong giáo dục đại học với sự tham gia của 60 chuyên gia và các bên liên quan trên khắp thế giới, thảo luận về các nỗ lực gần đây nhằm giải quyết vấn đề gian lận và tham nhũng trong giáo dục đại học. Diễn đàn đã đưa đến kết luận là cần tổ chức một liên minh quốc tế về liêm chính trong giáo dục đại học. Đây chính là thời gian thích hợp để có một tổ chức liên minh với các chiến lược, chính sách và hành động phù hợp nhằm chống lại tai họa này. Liên minh này có thể để cho Tổ chức Minh bạch Quốc tế chủ trì và cần có sự tham gia của tất cả các hiệp hội và tổ chức thiết yếu đã có kinh nghiệm trong việc xử lý vấn đề tham nhũng trong



giáo dục đại học. Nguyên tắc chính của liên minh này là giáo dục đại học không thể là một lĩnh vực kinh doanh hay ngành công nghiệp, mà là dịch vụ xã hội với những giá trị riêng của nó. ■

## Nền văn hoá học thuật độc hại tại Đông Á

Rui Yang

*Rui Yang là giáo sư và phó trưởng khoa phụ trách hợp tác quốc tế và liên quốc gia tại Khoa Giáo dục, Đại học Hong Kong, đường Pokfulam, Hong Kong. E-mail: yangrui@hku.hk.*

Sự phát triển gần đây của các đại học Đông Á đang gây ấn tượng mạnh cho giới học thuật. Bức tranh này có phần là thực nhưng cũng có cả phần chỉ là do cảm giác. Việc truyền thông và các nghiên cứu thổi phồng cần phải được xem xét lại. Nghi vấn về tiềm năng thực sự của các đại học Đông Á, cũng như việc liệu họ có thể đánh đổ được vị trí dẫn đầu của các đại học Đông Âu vẫn còn nguyên đó. Trong khi thừa nhận về tác động của sự phát triển toàn diện của xã hội Đông Á đối với giáo dục đại học vài thập kỷ qua, chúng ta cũng không nên bỏ qua thách thức mà khu vực này vẫn đang phải đối mặt. Một vấn đề cốt lõi nhưng dường như không được xem xét đầy đủ là liệu thành công trong tương lai có thể sẽ bị hủy hoại như thế nào với nền văn hoá học thuật mang nặng tính địa phương ngày hôm nay.

### Một nền văn hoá mang nặng tính địa phương

Văn hoá học thuật liên quan đến thái độ, niềm tin và giá trị của cộng đồng học thuật đối với các khía cạnh khác nhau trong công việc. Nó tác động mạnh mẽ đến việc cộng đồng học thuật sẽ làm cái gì, làm như thế nào và ai tham gia. Nó cũng tác động đến việc ra quyết định, các hành động và mối giao tiếp theo cả phương diện thực tế lẫn tính hình thức. Một loạt đặc tính thường được dùng để mô tả về văn hoá học thuật tại các trường đại học Đông Á như liêm chính, đạo đức, vi phạm chuẩn mực và thậm chí cả tham nhũng. Văn hoá học thuật cũng đã được chỉ ra là lực cản lớn khiến cho giáo dục đại học Đông Á khó đạt được đẳng cấp quốc tế. Văn hoá tham nhũng ảnh hưởng xấu đến vị trí của các trường trong cộng đồng học thuật. Một nền văn hoá học thuật, vốn dựa trên các giá trị về tài năng,

tự do tranh biện và cạnh tranh - nói chung đang vắng bóng tại Đông Á.

Trải dài khắp khu vực, tính không trung thực trong học thuật đã trở thành một vấn đề lớn, từ sinh viên cho đến nhà khoa học cũng đều gian lận. Các nghiên cứu cũng chỉ ra mức độ không trung thực đang leo thang tại Hong Kong và Đài Loan. Nam Hàn thì được gán cho tên gọi “Cộng hòa Đạo văn”. Có lẽ thành công hơn bất kỳ đâu trên thế giới là Nhật Bản, nước đã phát triển được một hệ thống với những chuẩn mực phù hợp. Nhưng ngay cả Nhật Bản cũng không thoát khỏi nạn gian lận trong học thuật. Những năm 2000 đã chứng kiến nhiều vụ việc vi phạm chuẩn mực học thuật bị lộ ra ánh sáng. Gần đây, sự kiện Haruko Obokata ngụy tạo dữ liệu, chỉnh sửa hình ảnh và đạo văn đã làm choáng váng cả nền học thuật Nhật Bản.

Vi phạm chuẩn mực học thuật đặc biệt nghiêm trọng ở Trung Quốc. Từ những năm 1990, nền văn hoá học thuật đã ngày càng trở nên sa sút và văn hoá này đã xâm nhập nhanh chóng vào lĩnh vực giáo dục đại học, từ trường ở cấp địa phương cho đến các trường hàng đầu ở cấp quốc gia, không chừa bất kỳ mảng hoạt động nào. Phản chiếu thực trạng rộng hơn trong toàn xã hội, vấn đề này liên đới tới sinh viên, giáo sư, nhà khoa học và cả lãnh đạo đại học. Với nền giáo dục đại học Trung Quốc, việc được thăng tiến trong chính phủ hoặc đảm nhiệm các vị trí quản lý trong trường đại học sẽ đem lại các lợi ích đáng kể về tài chính, hơn nhiều so với chỉ làm khoa học thực chất. Các học giả Trung Quốc vì vậy ngày càng có xu hướng bị lôi kéo vào việc phấn đấu để lên chức hơn là dành thời gian cho việc nghiên cứu thực thụ.

### Hậu quả nặng nề

Dưới ảnh hưởng của văn hoá tham nhũng trong học thuật, các mối quan hệ tương trợ (guanxi) đang ngăn cản sự tự do di chuyển của cán bộ, sinh viên, cũng như hạn chế nguồn lực và phát triển nghề nghiệp của giảng viên. Các quyết định không dựa trên thành tích học thuật mà dựa trên quan hệ cá nhân cũng như thiên vị đối xử. Đạo văn và ngụy tạo dữ liệu trở nên phổ biến. Các “cây đa, cây đề” chiếm hết các nguồn tài trợ nghiên cứu. Các nhà khoa học thuần tuý thì gần như không có cơ hội gì cả, giới học thuật tìm kiếm những thành công tức thời, vi phạm chuẩn mực đã trở thành chuyện hàng ngày. Văn hoá độc hại này đã tạo nên những hậu quả nghiêm trọng đối với sự phát triển của giáo dục

đại học cũng như việc hiện đại hoá chương trình đào tạo trong vùng, đồng thời dẫn đến sự méo mó và không hiệu quả từ từng trường đại học cho đến cả hệ thống. Việc đạo đức bị băng hoại đối với các cá nhân và các trường đã phá huỷ không gian học thuật tại Đông Á, làm ô nhiễm tâm trí của sinh viên. Nó thực sự ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển và thành công của nền khoa học khu vực.

**Trái dài khắp khu vực, tính không trung thực trong học thuật đã trở thành một vấn đề lớn, từ sinh viên cho đến nhà khoa học cũng đều gian lận.**

Nhằm đối phó với vấn đề không trung thực trong học thuật, cũng phải thấy rằng các chính sách trong giáo dục cũng hướng tới việc ngăn chặn các vi phạm chuẩn mực trong nghiên cứu. Ví dụ, Chính phủ Trung Quốc từ những năm 2000 đã nỗ lực trong việc xây dựng các chuẩn mực học thuật và liêm chính trong nghiên cứu thông qua việc ban hành các tiêu chuẩn, quy định, thành lập các cơ quan đặc biệt, ban hành chính sách, tổ chức diễn đàn và hội thảo quốc gia và tăng cường hợp tác quốc tế. Cùng với sự tăng cường nhận thức về vấn đề này, một số trường đại học tại Đông Á đã thành lập đơn vị chuyên biệt nhằm đối phó với gian lận và tham nhũng học thuật. Chúng ta có thể hy vọng các chính sách mới sẽ đem lại một số dấu hiệu tích cực tức thời, nhưng khi xét đến phạm vi và mức độ nghiêm trọng của vấn đề, sẽ là không thực tế nếu chúng ta cho rằng có thể nhổ tận gốc trong một vài năm sắp tới.

Mặc dù vẫn có một số vụ bê bối, Nhật Bản vẫn khác biệt với các nước hàng xóm trong khu vực về văn hoá học thuật. Điều này lý giải tại sao Nhật vẫn là nước có thành tích tốt nhất trong khu vực, thể hiện qua số lượng 21 giải Nobel không thể cạnh tranh trong khoa học và công nghệ, trong khi các nước xung quanh không có giải nào cho đến tận năm 2014. Cũng phải nhắc lại là các giải Nobel đầu tiên mà Nhật đạt được khi họ đang trong giai đoạn cực kỳ khó khăn. Tương tự, giải thưởng gần nhất và là duy nhất trong lĩnh vực khoa học và công nghệ dành cho nghiên cứu thực hiện trong khu vực tặng cho một nhà khoa học Trung Quốc vào năm 2015. Công trình nghiên cứu được giải gần như là được thực hiện trong giai đoạn 1970, thời kỳ Trung Quốc khó khăn nhất về kinh tế và chịu cô lập về

chính trị. Kết quả này rõ ràng không phải là hệ quả của nền văn hoá học thuật Trung Quốc đương đại.

**Nhằm đối phó với vấn đề không trung thực trong học thuật, cũng phải thấy rằng các chính sách trong giáo dục cũng hướng tới việc ngăn chặn các vi phạm chuẩn mực trong nghiên cứu.**

### Kết luận

Văn hoá học thuật là vấn đề lớn. Văn hoá tham nhũng học thuật tại Đông Á ảnh hưởng trực tiếp tới nền giáo dục đại học trong khu vực với những tác động trực tiếp lên mọi hoạt động hàng ngày. Chỉ có Nhật Bản là vẫn giữ được nền văn hoá học thuật tốt. Thật không may mắn, việc xử lý vấn đề mang tính trải rộng và ăn sâu bám rễ vào đời sống xã hội này đã nằm ngoài tầm tay của bản thân hệ thống giáo dục đại học, dù cho thực trạng của nó có khác giữa các nước khác nhau. Nền văn hoá học thuật độc hại này cũng là một cách lý giải khác về thách thức lớn nhất đối với Đông Á: các trường đại học vẫn chưa biết làm sao có thể kết hợp được chuẩn mực giáo dục đại học phương Tây với giá trị truyền thống. Khái niệm về đại học phương Tây dường như mới chỉ được áp dụng một cách hình thức. Sự phát triển của giáo dục đại học Đông Á, về cơ bản dựa trên mối quan hệ giữa văn hóa đại học phương Tây và truyền thống bản địa – mà mối quan hệ đó nói chung chưa được quản lý tốt. ■

## Giáo dục đại học quốc tế và “bước ngoặt tân khai phóng”

**Peter Scott**

*Peter Scott là giáo sư về nghiên cứu giáo dục đại học, Viện Giáo dục - Đại học Luân Đôn, Anh quốc. Email: P.Scott@ioe.ac.uk.*

Hình thức ban đầu của giáo dục đại học quốc tế - những hoạt động trao đổi sinh viên, giảng viên, sự hợp tác giữa các trường đại học vượt khỏi khuôn khổ quốc gia là một khía cạnh thể hiện tính lý tưởng, nhân văn của giáo dục đại học. Thời trước, các trường đại học hoàng gia của các đế quốc, gán cho mình sứ mệnh cao quý như các học giả huyền thoại lang thang thời Trung cổ, truyền bá một nền giáo dục đại học trong tầng lớp tinh hoa thuộc địa

(đỉnh cao là thời kỳ hậu thuộc địa). Sau này, cũng theo cách như vậy, các hệ thống đại học hiện đại từ những quốc gia đó tham gia vào những dự án viện trợ, hỗ trợ xây dựng năng lực đào tạo, cũng như tiếp tục đào tạo cho giới tinh hoa của các nước đang phát triển. Giáo dục đại học quốc tế ngày nay đã không còn mang tính lý tưởng như vậy nữa, mà trái lại, gắn liền với thương mại và cạnh tranh thị trường. Tiếng nói của nó bị chi phối bởi thị phần sinh viên quốc tế và bảng xếp hạng toàn cầu. Rõ ràng rằng nhận thức cũng như thực tiễn về giáo dục đại học quốc tế đã đảo ngược hoàn toàn.

Lý do chính cho sự đảo ngược này là ảnh hưởng đối với nền giáo dục đại học của cái gọi là “bước ngoặt tân khai phóng”, một sự quay lưng lại với các chính sách xã hội và trợ cấp an sinh được chính phủ xây dựng ở thế kỷ 20, một cách đối phó với cuộc suy thoái, sự suy giảm kinh tế và hậu quả của chiến tranh thế giới. Đáng nói là nền giáo dục đại học đã vượt qua cú sốc khủng hoảng tài chính năm 2008 và cả các hậu quả suy thoái kinh tế sau đó. Nước Anh ngày nay tin tưởng mạnh mẽ rằng những tư tưởng của một nền giáo dục đại học đại chúng như dân chủ, công bằng xã hội, phát triển cá nhân theo quan niệm của thời Victoria đã không còn phù hợp, lý tưởng của thế hệ thời nay là thịnh vượng, tăng trưởng và khả năng cạnh tranh. Điều đó có tính toàn cầu. Những lý tưởng trước đây của giáo dục quốc tế như đoàn kết, phát triển, tương trợ đã bị thay thế bởi các mệnh lệnh của thị trường, tóm gọn bằng một từ được sử dụng tràn lan là “toàn cầu hoá”.

### Ba dịch chuyển

“Bước ngoặt tân khai phóng” có nhiều hình thái, từ dạng ý thức hệ cứng nhắc đến dạng thực dụng linh hoạt. Có thể ví như một nhà thờ đầy con chiên từ tín đồ ngoan đạo đến kẻ bất khả tri có vẻ ngoài sùng kính. Đối với một số người, đó là nền giáo dục đại học - động lực chính, hoặc duy nhất thúc đẩy sự phát triển tương lai. Số khác cho rằng đó là xu hướng tất yếu được tạo nên bởi nhiều yếu tố hoàn cảnh. Do đó rất khó có một định nghĩa súc tích cho “bước ngoặt tân khai phóng”, chỉ có thể minh họa trào lưu này bằng ba dịch chuyển chính:

Đầu tiên là sự chuyển đổi từ hình thức “nhà nước phúc lợi” với những chính sách an sinh xã hội được hình thành sau chiến tranh thế giới, trong giai đoạn suy thoái kinh tế, sang cái gọi là “nhà nước thị trường”. Điều này dẫn đến những thay đổi cả về cấu trúc và văn hóa. Những thay đổi cấu trúc bao gồm:

Giảm mức thuế thu nhập cá nhân, tăng tín dụng chính phủ (với hệ quả là tác động đến thị trường tài chính) và thu hẹp ngân sách cho các dịch vụ công. Những thay đổi về văn hoá bao gồm việc xác định lại mục tiêu cốt lõi của nhà nước, thay đổi quan niệm truyền thống về vai trò của nhà nước: từ vai trò phân phối phúc lợi công chuyển sang vai trò “điều phối” đồng thời là “khách hàng”.

### “Bước ngoặt tân khai phóng” có nhiều hình thái, từ dạng ý thức hệ cứng nhắc đến dạng thực dụng linh hoạt.

Khía cạnh thứ hai của “bước ngoặt tân khai phóng” là toàn cầu hoá (trên thực tế khái niệm này cũ và phức tạp hơn cách hiểu rộng rãi hiện nay). Thực ra khái niệm này rất cổ xưa vì “xã hội toàn cầu” đã có từ lâu trong lịch sử, thị trường toàn cầu đã tồn tại ít nhất nửa thiên niên kỷ. Khái niệm này phức tạp hơn vì sự tương tác giữa các thương hiệu toàn cầu và các nền văn hóa địa phương tạo nên nhiều sắc thái, nhiều hình thức toàn cầu hoá. Một số kiểu toàn cầu hoá xung đột với các thị trường tự do dưới thể lực địa chính trị toàn trị, xung đột đặc biệt dữ dội trong các vùng cai trị bởi chủ nghĩa cực đoan/cuồng tín và chủ nghĩa khủng bố (vô hình chung điều này đã hợp thức hoá cho hiện tượng đáng sợ của các chính sách viện trợ “an ninh quốc gia”). Cũng cần lưu ý rằng, toàn cầu hoá không chỉ là đối với hàng hoá, mà gồm cả các dịch vụ có thể mua bán được như hàng hoá. Mặc dù các cuộc tranh luận về sự hợp tác giáo dục đại học trong các Hiệp định chung về Thương mại Dịch vụ (GATS) hiện vẫn chưa đi đến tiếng nói chung, nhưng đó chắc chắn chỉ là vấn đề về thời gian. Sẽ đến lúc vấn đề giáo dục đại học được nêu ra trong các cuộc đàm phán quốc tế khác như Hiệp định thương mại đầu tư xuyên Đại Tây Dương (TTIP) giữa Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu, Hiệp ước thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Khía cạnh thứ ba là cuộc cách mạng trong truyền thông hoặc rộng hơn là văn hoá giao tiếp. Nó chứa đựng nhiều đan xen chằng chịt - nổi lên vai trò của mạng xã hội; chính trị trở thành thời thượng, thành “thương hiệu”; văn hoá đọc sách in truyền thống mất dần (những người bị quan gọi đó là cái chết của các „logo“); xuất hiện các cộng đồng “ảo” (có lợi cho xã hội nếu là những cộng

đồng khoa học và tiềm ẩn nguy hại như tình dục ảo, tội phạm ảo); hệ thống thứ bậc tôn ti theo kiểu truyền thống được thay thế bằng hình thức liên kết lịch thiệp “phẳng” và “tức thì” (như Google, v.v...).

### Ảnh hưởng đối với giáo dục đại học

Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học, dù ở phạm vi quốc tế hay quốc gia, phải vận hành trong một môi trường xã hội, chính trị, kinh tế và văn hóa rất khác so với những gì chi phối hệ thống giáo dục đại chúng gần nửa thế kỷ trước. Và định hướng của thị trường chỉ là một trong các tác động của môi trường mới.

Những thay đổi trong bản chất của nhà nước chắc chắn làm suy yếu khả năng duy trì hệ thống công của giáo dục đại học, ý tưởng “công cộng” và “hệ thống” đã bị suy giảm; giảm “công” đơn giản vì nó là dịch vụ được cấp ngân sách, giảm “hệ thống” bởi vì nó đòi hỏi “kế hoạch hoá” từ trên xuống và như vậy là đi ngược với quy luật tự do của cơ chế “thị trường”. Tuy thế, hệ thống giáo dục đại học học phí cao chưa khẳng định được vị thế vì một số nước, mặc dù rất khác nhau về chế độ, như Chile và Đức vẫn đang cung cấp một nền giáo dục đại học miễn phí. Ngoài ra, giáo dục đại học còn bị trói buộc bởi những chính sách, quy định mang tính áp đặt của nhà nước.

Toàn cầu hóa có nhiều tác động nhưng lại không rõ ràng. Một mặt, toàn cầu hoá tạo ra các cơ hội tuyệt vời, chẳng hạn: học tập đa văn hoá, giáo dục xuyên quốc gia. Nhưng nó cũng tạo ra các rào cản mới, rõ ràng nhất là trong việc kiểm soát nhập cư. Thị trường tự do là dạng thức phổ biến nhất hiện nay của toàn cầu hoá, ngoài ra còn tồn tại hoặc manh nha các hình thức khác. Trào lưu phản đối “bước ngoặt tân khai phóng”, trào lưu đoàn kết bảo vệ môi trường, đấu tranh cho công lý và đạo đức là những hình thức toàn cầu hoá mới đang nhân rộng.

Cuối cùng, những thay đổi trong văn hóa giao tiếp đã hoàn toàn định hình kỳ vọng của sinh viên, mô hình học tập - cũng như tạo ra các thách thức cho cấu trúc giáo dục đại học truyền thống. Hiện tại, trước những thay đổi đó chúng ta đang quá chú tâm vào những vấn đề như MOOC (học trực tuyến-mở-đại chúng), tinh chỉnh chính sách giáo dục đại học hướng đến đáp ứng nhu cầu của “khách hàng” sinh viên dựa vào chẩn đoán và phân tích bằng phần mềm tin học, học tập điện tử (e-learning), thi cử điện tử; và lo ngại trước

những hiện tượng tâm thường theo kiểu Twitter. Nhưng cuộc cách mạng truyền thông này cũng đem đến những khía cạnh tích cực như mã nguồn mở, các công trình có thể công bố “ngay lập tức”, tiềm năng cho các liên minh nghiên cứu toàn cầu, sự gắn bó chặt chẽ hơn với cộng đồng người dùng, là những khía cạnh mang lại những lợi ích xã hội nhiều hơn là lợi ích thương mại. ■

## Liên Hiệp Quốc, giáo dục đại học quốc tế và ngoại giao kiến thức

**Nanette Svenson**

*Nanette Svenson là giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Tulane và là chuyên gia tư vấn cho Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế khác. E-mail: nanette.svenson@gmail.com*

Thuật ngữ “ngoại giao kiến thức” được sử dụng với tần số ngày càng tăng trong những năm gần đây để mô tả nhiều thứ, bao gồm cả Giáo dục đại học quốc tế (IHE). “Ngoại giao kiến thức”, cùng với các công cụ quyền lực truyền thống, có thể trở thành một công cụ quyền lực mềm giúp các quốc gia nhỏ xác định vị thế của mình trong các cuộc thương lượng. Là một tổ chức đại diện của nền ngoại giao thế giới, Liên Hiệp Quốc cần tham gia vào các cuộc thương lượng liên quan đến kiến thức, thậm chí là liên quan đến giáo dục đại học quốc tế, mặc dù đây không phải là lĩnh vực gắn với tổ chức Liên Hiệp Quốc. Với động cơ thúc đẩy xã hội học tập, chuyển giao kiến thức, cải thiện nghiên cứu và quan hệ công chúng, Liên Hiệp Quốc đã tham gia vào việc xây dựng chương trình IHE. Bài viết này khảo sát bản chất của hoạt động này và bình luận về các khía cạnh tiềm năng có thể giúp Liên Hiệp Quốc và các thành viên đạt các mục tiêu của họ.

### Xây dựng chương trình đào tạo đại học

Phần lớn sự tham gia vào giáo dục đại học quốc tế của Liên Hiệp Quốc xoay quanh việc đào tạo và cấp bằng đại học. Liên Hiệp Quốc đã xây dựng một số chương trình và thành lập các trường đào tạo thông qua quan hệ đối tác với các tổ chức học thuật và chuyên nghiệp. Mục đích chính của họ là làm cầu nối thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành các trong lĩnh vực quan trọng của quản trị

và phát triển toàn cầu, cũng như bổ sung cho các chương trình đào tạo hàn lâm.

Trường Đại học Liên Hiệp Quốc (UNU) được thành lập vào năm 1972 là một tổ chức cố vấn toàn cầu và giảng dạy sau đại học. Trụ sở chính đặt tại Tokyo, được hỗ trợ của chính phủ Nhật Bản, UNU có 16 viện nghiên cứu và các chương trình đào tạo ở nhiều nước, tập trung vào các vấn đề liên quan đến hòa bình và an ninh, nhân quyền, quản trị, khoa học, công nghệ và phát triển bền vững. UNU chủ yếu tập trung vào hoạt động nghiên cứu, tuy vậy từ năm 2012 bắt đầu giảng dạy cấp bằng thạc sĩ. Đại học Peace ở Costa Rica, được thành lập bởi Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc vào năm 1980, cấp bằng sau đại học trong lĩnh vực liên quan đến hòa bình, an ninh và tham gia vào các chương trình nghiên cứu và đào tạo không cấp bằng. Trường Đại học Hàng hải Thế giới (WMU) là một học viện hàng hải đào tạo sau đại học tại Thụy Điển, được thành lập vào năm 1983 bởi Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO), một cơ quan của Liên Hiệp Quốc. WMU được thành lập để đáp ứng sự thiếu hụt toàn cầu các chuyên gia hàng hải có trình độ, đặc biệt là ở các nước đang phát triển và cung cấp các chương trình đào tạo cấp bằng thạc sĩ hoặc chứng chỉ chuyên nghiệp. IMO cũng thành lập Học viện Luật Hàng hải Quốc tế (IMLI) tại Malta vào năm 1988 để đào tạo chuyên gia pháp luật hàng hải quốc tế. IMLI cấp bằng sau đại học, chứng chỉ sau đại học về hàng hải và các khóa học ngắn hạn khác. Tương tự, Trung tâm Đào tạo Quốc tế của Tổ chức Lao động Quốc tế đã thành lập Trường Phát triển Turin (TSD) vào năm 2009 với một loạt các chương trình và các khóa đào tạo sau đại học về nội dung xây dựng và phát triển luật lao động quốc tế. Trường Phát triển Turin (TSD) là kết quả của sự hợp tác giữa trường Đại học Turin, một số trường khác và các cơ quan của Liên Hiệp Quốc.

### **Phần lớn sự tham gia vào giáo dục đại học quốc tế của Liên Hiệp Quốc xoay quanh việc đào tạo và cấp bằng đại học**

Các chương trình đào tạo của Liên Hiệp Quốc đều tìm kiếm sự công nhận quốc tế và của nước sở tại, nỗ lực thu hút giảng viên và sinh viên đa quốc gia và xây dựng các chương trình bằng cấp mới theo kiến thức và mục tiêu của Liên Hiệp Quốc. Trong 3 thập kỷ qua, đã có hàng ngàn sinh viên

tốt nghiệp các chương trình đào tạo của Liên Hiệp Quốc ở các nước trên thế giới; Liên Hiệp Quốc đã chủ trì hàng loạt hội nghị quốc tế, các dự án nghiên cứu và phát hành các ấn phẩm học thuật.

### **Các chương trình đào tạo không cấp bằng**

Ngoài đào tạo cấp bằng và nghiên cứu, Liên Hiệp Quốc còn đưa ra nhiều sáng kiến trong giáo dục đại học quốc tế như hỗ trợ các hoạt động ngắn hạn, tạo điều kiện hợp tác giữa các tổ chức IHE trên toàn cầu. Trong các sáng kiến này có UN Academic Impact (UNAI), Model UN (MUN) và các chương trình thực tập của Liên Hiệp Quốc, cũng như các khóa do Liên Hiệp Quốc tài trợ và các dự án xây dựng chương trình.

UNAI, ra mắt vào năm 2010, nhằm liên kết chặt chẽ hơn các trường đại học với Liên Hiệp Quốc, thúc đẩy các mục tiêu của Liên Hiệp Quốc và tạo ra một mạng lưới toàn cầu các trường đại học vì hòa bình và phát triển. Gần 1000 trường học trên toàn thế giới đã tham gia mạng lưới này, đồng ý tạo ra các chương trình mới phù hợp với các nguyên tắc của Liên Hiệp Quốc liên quan đến giáo dục, công dân toàn cầu, phát triển bền vững và giải quyết xung đột. Điển hình là Đại học Quốc gia Ucraina đã thành lập trường mẫu giáo cho trẻ nhà nghèo, Đại học Cornell mở mới ngành Kiến trúc Quốc tế và ngành Phát triển Nông thôn. Là một tổ chức đào tạo có tuổi đời bằng Liên Hiệp Quốc, được Liên Hiệp Quốc hỗ trợ, MUN đưa ra các chương trình giáo dục mô phỏng kinh nghiệm của Liên Hiệp Quốc và giáo dục cạnh tranh học thuật cho sinh viên đại học và học sinh trung học. MUN dạy các nguyên lý và giao thức của Liên Hiệp Quốc; phát triển các kỹ năng nghiên cứu, tranh luận; mở rộng kiến thức người học về ngoại giao, luật quốc tế và chính trị toàn cầu. Hội nghị của MUN với hàng ngàn người tham gia được tổ chức hàng năm trên toàn thế giới. Chương trình giáo dục đại học quốc tế của Liên Hiệp Quốc còn bao gồm giai đoạn thực tập sau khi tốt nghiệp ở các tổ chức của Liên Hiệp Quốc như Ban thư ký, các tổ chức chuyên môn hoặc các trung tâm khu vực, tùy theo chuyên ngành học. Sinh viên có thể tình nguyện làm việc không lương để đổi lấy kinh nghiệm làm việc và tín chỉ học tập trong các cơ quan của Liên Hiệp Quốc. UNAI, MUN và các chương trình thực tập của Liên Hiệp Quốc giáo dục cho sinh viên đại học về hoạt động của Liên Hiệp Quốc, về mục tiêu và nghề nghiệp, cũng đồng thời là cách thức lý tưởng để nuôi dưỡng ý thức trách nhiệm với xã hội trong giới trẻ.

Ngoài ra, các chương trình IHE không cấp bằng của Liên Hiệp Quốc còn hợp tác trao đổi giảng viên và phát triển chương trình giảng dạy. Chẳng hạn chương trình của UNESCO kết nghĩa các trường đại học đã tạo ra một loạt cơ hội thăng tiến cho giảng viên và kết nối các cộng đồng trong các trường đại học trên thế giới. Chương trình này thu hút 650 tổ chức từ hơn 120 quốc gia, thúc đẩy xây dựng năng lực giáo dục đại học và nghiên cứu thông qua tài trợ các cơ hội trao đổi trong lĩnh vực liên quan đến công tác thực địa của UNESCO - giáo dục, khoa học, văn hóa và truyền thông. Ngoài ra, một số cơ quan có chuyên môn, thông tin và kinh nghiệm đào tạo trong một số lĩnh vực cụ thể khác của Liên Hiệp Quốc đang bắt đầu hợp tác với các trường đại học trong các dự án mở rộng chương trình giảng dạy. Học viện Chống tham nhũng Quốc tế cung cấp một chương trình đào tạo chuyên nghiệp diện rộng và khóa cao học về Phòng chống tham nhũng. Tổ chức Nông Lương Liên Hợp Quốc (FAO) đưa ra chương trình về an ninh lương thực, phân tích thống kê và phát triển chương trình giảng dạy trực tuyến. Các dịch vụ phát triển năng lực nói trên được các tổ chức đào tạo của các nước đang phát triển truy cập rộng rãi.

### Tiềm năng ngoại giao kiến thức

Hoạt động ngoại giao kiến thức thông qua giáo dục đại học quốc tế của Liên Hiệp Quốc là một hỗn hợp các chương trình và vẫn còn khá mới. Tuy nhiên, có thể thấy được các tiềm năng của nó đối với việc thúc đẩy lý tưởng và mục tiêu của Liên Hiệp Quốc và các chính phủ thành viên. Do Liên Hợp Quốc không có chức năng và nhiệm vụ tổ chức giáo dục đại học, các chương trình đại học của Liên Hợp Quốc phụ thuộc vào nguồn lực của chính phủ sở tại và các nguồn lực bên ngoài. Cách tổ chức như vậy gây tốn kém và đôi khi không bền vững. Ngoài ra, bằng cấp của Liên Hợp Quốc chưa được thừa nhận rõ rệt và những nghiên cứu theo định hướng đại học của chương trình không tạo ra sản phẩm được phổ biến và ứng dụng rộng rãi, điều này cũng đặt ra câu hỏi về tính hợp lý giữa chi phí và lợi ích mà hoạt động đem lại.

Những nỗ lực của Liên Hợp Quốc liên quan đến giáo dục đại học quốc tế thường gắn liền với các dự án hoặc vấn đề tức thời của nền kinh tế một quốc gia, các tổ chức hàn lâm và nghề nghiệp, chứ không thuộc chương trình nghị sự của Liên Hợp Quốc. Như vậy, có vẻ phù hợp thực tế và hiệu quả

hơn về chi phí nếu Liên Hợp Quốc làm cầu nối giữa các quốc gia để trao đổi các chương trình đào tạo ngắn hạn, không cấp bằng. Nhiều quốc gia đã chấp nhận các điều kiện của Liên Hợp Quốc liên quan đến các vấn đề như nguồn tài trợ, phát triển mạng lưới, thông tin tài liệu, công bố tài liệu; và hoạt động trao đổi giáo dục đại học quốc tế có thể mở rộng theo nhiều hướng. Chắc chắn rằng Liên Hợp Quốc có đủ thông tin, kinh nghiệm và cơ sở hạ tầng giúp ích cho các chương trình giáo dục đại học quốc tế; điều chưa rõ là cách thức Liên Hợp Quốc đóng gói và tiếp thị các nguồn lực này để có được kết quả tốt nhất. ■

## Toàn cảnh thay đổi của nghiên cứu giáo dục quốc tế

### Douglas Proctor

*Douglas Proctor là nghiên cứu sinh tiến sỹ về giáo dục đại học quốc tế tại Đại học Melbourne, Úc. E-mail: douglas-proctor@ieaa.org.au. Báo cáo đầy đủ phân tích số liệu 2011-2013 lấy nguồn từ cơ sở dữ liệu IDP Nghiên cứu về Giáo dục Quốc tế. Bài giới thiệu kèm theo minh họa các xu hướng chính giai đoạn 2011-2014 có thể truy cập được trên website của Mạng lưới Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế [www.ieaa.org.au/iearn](http://www.ieaa.org.au/iearn).*

Trong bối cảnh không đồng đều của giáo dục đại học thế giới, không có gì ngạc nhiên rằng nghiên cứu về giáo dục đại học quốc tế cũng có địa hình lồi lõm. Tuy nhiên điều đáng lo ngại là ở chỗ phần lớn lãnh địa nghiên cứu giáo dục quốc tế vẫn chưa được định hình.

Phân tích mới đây từ cơ sở dữ liệu IDP Nghiên cứu về Giáo dục Quốc tế (Úc) cho thấy đa số các nghiên cứu về giáo dục quốc tế tập trung vào khu vực thế giới nói tiếng Anh - với trên 53% các công trình công bố trong các năm 2011-2013 là về các nước nói tiếng Anh. Và hầu hết các công trình nghiên cứu công bố là trong lĩnh vực giáo dục đại học/sau trung học, mặc dầu giáo dục quốc tế không chỉ bao gồm đại học/sau trung học. Các công trình nghiên cứu cũng tập trung chủ yếu vào sinh viên. Trong khi đó giảng viên, những người đào tạo sinh viên; các ngành công nghiệp, các khu vực kinh tế sẽ tiếp nhận sinh viên tốt nghiệp; xu hướng quốc tế hoá của các trường đại học chưa giành được sự quan tâm thích đáng.

Báo cáo phân tích này cũng đối chiếu với kết luận do Trung tâm Giáo dục đại học quốc tế Boston College (CIHE) công bố năm 2014. Đó là kết quả khảo sát toàn cầu lần thứ 3 đối với các tổ chức học thuật, các chương trình đào tạo, các trung tâm nghiên cứu giáo dục đại học. Các số liệu đều cho thấy các nghiên cứu về giáo dục quốc tế chỉ tập trung vào một số ít quốc gia và số ít các chủ đề. Bức tranh nghiên cứu giáo dục quốc tế hiện ra không đồng đều, với những khu vực hoang vắng hết như toàn cảnh nền giáo dục quốc tế.

### Thu thập dữ liệu

Báo cáo này dựa vào cơ sở dữ liệu IDP Nghiên cứu về Giáo dục Quốc tế chứa đựng 13.300 cuốn sách, bài báo, bài đăng hội nghị và báo cáo về các khía cạnh khác nhau của giáo dục quốc tế từ khắp nơi trên thế giới. Một phần dự án do Hiệp hội Giáo dục Quốc tế Úc - thuộc mạng lưới Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế - phụ trách, phân tích chi tiết 2.511 bản ghi cơ sở dữ liệu liên quan đến các nghiên cứu công bố trong các năm 2011, 2012 và 2013.

### **Trong bối cảnh không đồng đều của giáo dục đại học thế giới, không có gì ngạc nhiên rằng nghiên cứu về giáo dục đại học quốc tế cũng có địa hình lồi lõm.**

Đương nhiên, cần có sự thận trọng nhất định khi sử dụng báo cáo phân tích này. Do xuất xứ và nguồn gốc tài trợ, chất liệu về Úc chiếm đa số trong Cơ sở dữ liệu Nghiên cứu Giáo dục Quốc tế. Tuy thế, cơ sở dữ liệu luôn tham chiếu các công trình nghiên cứu công bố ở các quốc gia khác và số lượng các nghiên cứu ngoài Úc tăng đều theo thời gian. Như đã nói, hiện tại chỉ các tài liệu bằng tiếng Anh được tham chiếu.

Những phát hiện sau đây dựa trên một phân tích chi tiết các bản ghi cơ sở dữ liệu, bao gồm các từ khóa hoặc cụm từ, quốc gia được nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và các loại ấn phẩm. Trừ những trường hợp đặc biệt, dữ liệu được trình bày ở dạng tổng hợp ba năm liền.

### Các phát hiện chính

Có 3.831 từ khóa khác nhau được ghi nhận trong các nghiên cứu công bố vào các năm từ 2011 đến 2013 - trung bình 7,3 từ khóa cho mỗi công bố. Dù rằng 63% các từ khóa này chỉ được sử dụng một

hoặc hai lần, phân tích về các từ khóa được dùng nhiều nhất sẽ cho biết về các chủ đề nóng nhất và xu hướng nghiên cứu dịch chuyển theo thời gian. Theo đó, căn cứ vào 21 từ khóa và cụm từ được sử dụng trên 200 lần, có thể thấy rằng các nghiên cứu tập trung nhiều nhất vào “sinh viên quốc tế ở cấp đại học/sau trung học”, tiếp theo là “quốc tế hoá”, “du học” và “tính di động của sinh viên” (trong nước). Các từ khóa đó được sử dụng tăng dần sau mỗi năm, ngược lại một số từ khóa trước đây rất nóng lại giảm dần (như “thị trường giáo dục” và “khác biệt văn hoá”). Một số từ khóa có tần suất sử dụng tăng lên theo thời gian, gồm “chính sách giáo dục”, “thái độ sinh viên”, “toàn cầu hoá” và “trải nghiệm sinh viên”.

Về mặt địa lý, mỗi mục dữ liệu đều được xác định quốc gia hoặc vùng lãnh thổ liên quan đến chủ đề nghiên cứu (không nhất thiết là chính quốc của người nghiên cứu, tuy rằng có thể thấy mối liên quan). Thống kê được 142 quốc gia/vùng lãnh thổ khác nhau từ cơ sở dữ liệu 3 năm 2011-2013. Trong số đó, 35% chỉ xuất hiện một lần, 6 tên quốc gia/vùng lãnh thổ xuất hiện nhiều nhất (gồm Úc, Hoa Kỳ, Anh, Trung quốc, châu Âu và Canada) được ghi nhận trên 100 lần mỗi tên. Phân tích qua các năm trong số 6 tên quốc gia/vùng lãnh thổ này, Hoa Kỳ và Anh tăng dần sự xuất hiện, còn Úc giảm dần. Một phần là do sự tăng dần các nghiên cứu ngoài Úc được ghi nhận trong cơ sở dữ liệu. Các tên Trung quốc, châu Âu và Canada gần như không tăng/giảm.

Về khu vực, 23,9% các nghiên cứu là về châu Á hoặc một quốc gia ở châu Á. Kế đến, 28,2% là về châu Đại dương. Theo sau đó là châu Âu (21,2%) và Bắc Mỹ (16,8%). Các châu lục còn lại có tỷ lệ rất thấp. Dưới 10% cho toàn bộ châu Phi, Trung Đông, Nam Mỹ và vùng Caribbean.

Về phương pháp nghiên cứu, mô hình nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng đều được áp dụng. Nghiên cứu tình huống (Case study) và phỏng vấn là các phương pháp được dùng nhiều nhất (tương ứng 20,6% và 17,6% tổng số hồ sơ); tuy nhiên, khi gộp chung lại, các phương pháp nghiên cứu định lượng - bao gồm khảo sát, bảng câu hỏi và phân tích thống kê - chiếm tỷ trọng lớn nhất, 26,5%. Càng về sau tỷ lệ áp dụng phương pháp nghiên cứu định lượng cũng như phỏng vấn giảm dần, phương pháp nghiên cứu tình huống và phân tích so sánh trở thành phổ biến trong giai đoạn giữa năm 2012-2013.

Liên quan đến thể loại công bố, được chọn nhiều nhất là bài đăng tạp chí, chiếm 49,3% trong tổng số công trình nghiên cứu. Tiếp theo là chương sách (16,3%) và báo cáo khoa học (15,1%). Qua các năm, bài đăng tạp chí có xu hướng tăng, các thể loại công bố khác không thay đổi hoặc giảm bớt.

Bản chất liên ngành của nghiên cứu giáo dục, phạm vi các công bố của nghiên cứu giáo dục quốc tế rất rộng - 420 tạp chí, 199 nhà xuất bản. Các tạp chí hàng đầu có *Journal of Studies in International Education*, *Journal of Higher Education Policy and Management*, *Higher Education and International Higher Education* (Boston College CIHE) và *NAFSA's International Educator Magazine*. Về sách xuất bản, *Institute of International Education* đứng đầu với 6 cuốn. *British Council*, *Institute of International Education* và các cơ quan chính phủ Úc cũng tham gia với số lượng lớn các báo cáo khoa học.

### Kết luận

Thu thập dữ liệu so sánh từ các trung tâm và chương trình nghiên cứu giáo dục đại học quốc tế là một công việc phức tạp, có một bức tranh hoàn chỉnh toàn cảnh nghiên cứu giáo dục quốc tế còn khó hơn nhiều. Mặc dù phân tích dữ liệu từ cơ sở dữ liệu IDP Nghiên cứu về Giáo dục Quốc tế là một điểm khởi đầu hữu ích, những nét phác thảo này có thể không hoàn toàn chính xác do bản chất thiên lệch, thiếu đầy đủ của cơ sở dữ liệu.

Dẫu vậy, bài phân tích này cho thấy quy mô nghiên cứu giáo dục quốc tế trong vài năm gần đây và cho phép rút ra kết luận về các xu hướng của chủ đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và thể loại nghiên cứu được công bố. Các phát hiện cho thấy sự không đồng đều của bức tranh toàn cảnh nghiên cứu giáo dục quốc tế. Cho dù bức tranh tương lai của lĩnh vực này đang còn dở dang, việc phân tích thêm dữ liệu 2014 có thể xác định xu hướng thay đổi của toàn cảnh nghiên cứu giáo dục quốc tế.

■

## Giáo dục khai phóng cổ điển và ảnh hưởng toàn cầu

Philip G. Altbach

*Philip G. Altbach là giáo sư nghiên cứu và là Giám đốc sáng lập Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế của Boston College. E-mail: altbach@bc.edu.*

Các ngành khai phóng (liberal arts) đang có dấu hiệu phục hồi trên phạm vi toàn cầu. Trong cuộc chiến giữa giáo dục chuyên môn hoá và giáo dục tổng quát hay còn gọi là giáo dục khai phóng, lâu nay phần thắng hầu như đã nghiêng về giáo dục chuyên môn hoá. Ở hầu hết các nước trên thế giới, giáo dục đại học trang bị cho người học kiến thức để làm việc, thường là kiến thức chuyên môn hoá (chuyên ngành). Ngoài ra, chương trình giảng dạy chuyên ngành hẹp chiếm ưu thế ở nhiều quốc gia - sinh viên trong cùng khoa đều theo một định hướng chuyên ngành cụ thể và tốt nghiệp với kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực đó. Chỉ vài nước, trong đó có Hoa Kỳ, vẫn theo đuổi ý tưởng về nền giáo dục tổng quát cung cấp kiến thức rộng và phát triển năng lực trí tuệ; đây cũng chính là nguyên lý nền tảng của giáo dục khai phóng.

Mặc dầu vậy, thật đáng ngạc nhiên, gần đây giáo dục khai phóng lại trở thành một chủ đề nổi bật trong các cuộc tranh luận về giáo dục đại học toàn cầu. Có nhiều lý do. Càng ngày người ta càng nhận ra rằng cả người lao động và người có học thức đều cần các "kỹ năng mềm" như cần kiến thức chuyên môn. Kỹ năng mềm bao gồm khả năng tư duy phê phán, giao tiếp hiệu quả, khả năng tổng hợp các thông tin đa dạng, từ thông tin trong lĩnh vực học thuật đến các thông tin văn hoá xã hội, khả năng phân tích định tính và định lượng đối với các vấn đề phức tạp và không chỉ có thế. Ngoài ra, nền kinh tế thế kỷ 21 không còn bảo đảm một lộ trình nghề nghiệp ổn định. Sinh viên tốt nghiệp đại học đối mặt với một thị trường nhân lực đa dạng, phức tạp và đầy biến động. Chương trình đào tạo chuyên môn hẹp tỏ ra không còn thích hợp với nền kinh tế tri thức đòi hỏi người học phải được trang bị năng lực đổi mới và người ta cũng dần nhận ra rằng nhu cầu nhận được một nền tảng kiến thức rộng và liên ngành làm hồi sinh khái niệm về giáo dục đại học châu Âu thời trung cổ.



Cho đến nay, sự trỗi dậy của giáo dục khai phóng diễn ra không chỉ trong các trường đại học tinh hoa hàng đầu, mà ở phạm vi toàn cầu và với những mức độ khác nhau.

### Giáo dục khai phóng

Không có một định nghĩa nào về giáo dục khai phóng được chấp nhận rộng rãi. Đa số cho rằng đó là một cách tiếp cận kiến thức và chương trình đào tạo một cách chi tiết hơn. Giáo dục khai phóng về cơ bản bắt nguồn từ các truyền thống Tây phương - chẳng hạn niềm tin của Socrates vào “cuộc sống thử thách” và lý tưởng của Aristotle về “công dân suy ngẫm”. Tuy vậy trong thảo luận này, chúng ta sẽ đề cập đến những nguồn gốc quan trọng của giáo dục khai phóng không có xuất xứ Tây phương. Luận cứ hiện đại coi các giá trị như tư duy phê phán, kiến thức rộng về các lĩnh vực khoa học then chốt và khoa học nhân văn là hết sức cần thiết trong xã hội hậu công nghiệp phức tạp. Thông thường, giáo dục khai phóng được xem là đối lập với cách tiếp cận giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp chuyên môn hẹp đang thống trị trong suy nghĩ nhân loại thế kỷ 21. Các luận cứ hiện đại cho rằng giáo dục cần mang lại nhiều hơn, không chỉ là “cung cấp nhân lực” - và rằng xã hội hiện đại đòi hỏi cách tiếp cận rộng hơn và toàn diện hơn cho giáo dục sau trung học.

### Các ngành khai phóng không có xuất xứ Tây phương

Có lẽ triết lý Khổng giáo Trung Hoa là một minh họa xưa nhất giống với giáo dục khai phóng hiện đại. Khổng giáo truyền thống chú trọng giáo dục tổng quát với cách tiếp cận diện rộng trong quá trình thu nhận tri thức. Hai truyền thống giáo dục quan trọng của Trung Quốc - Luận ngữ Khổng tử ra đời 2.500 năm trước và giáo dục đại học Trung Quốc bắt nguồn từ thời Đông Chu (năm 771-221 trước công nguyên) - có những yếu tố có thể được coi là giáo dục khai phóng. Bộ sách Ngũ Kinh thời đó bao gồm nhiều lĩnh vực kiến thức. Đồng thời, giáo dục đại học Khổng giáo trang bị cho người học những kiến thức tổng quát cần thiết cho các kỳ thi tuyển chọn quan chức trong hệ thống khoa cử phong kiến. Như vậy, truyền thống giáo dục đại học Trung Quốc nhấn mạnh tầm quan trọng của kiến thức tổng quát, trong khi vẫn tôn trọng những truyền thống đạo đức và triết học Nho giáo.

Tuy ít được nhắc đến, có thể nhận thấy một số điểm tương đồng giữa triết lý giáo dục ở Tây

phương cổ đại và tư tưởng Nho giáo. Khổng Tử tin rằng con người bẩm sinh là thiện, nên mục đích của giáo dục là “nuôi dưỡng và phát triển bản năng của con người để đạt đến sự hoàn thiện về trí tuệ và đạo đức”. Mặc dù rất khác nhau về cấu trúc tổ chức, về chương trình cũng như mục tiêu đào tạo, giáo dục đại học Khổng giáo và giáo dục khai phóng hiện đại có một nét tương đồng: sự cam kết phát triển ở người học khả năng phản ánh phạm vi kiến thức rộng.

Một điều đáng nói là kỳ thi tuyển sinh đại học quốc gia hàng năm của Trung quốc ngày nay (còn gọi là kỳ thi gaokao) là một sự kế thừa của hệ thống khoa cử phong kiến Trung Hoa. Gaokao bị chỉ trích nhiều nhưng hiện vẫn là kỳ thi tiêu chuẩn ở Trung quốc. Đối chiếu với khái niệm giáo dục khai phóng hiện đại, Gaokao không có điểm tương đồng nào, nhưng lại đòi hỏi thí sinh phải có một nền tảng kiến thức rộng hệt như trong một kỳ thi tuyển quan lại thời phong kiến.

Khác với Khổng giáo về bối cảnh hình thành và cội nguồn trí tuệ, trường đại học Nalanda, phát triển rực rỡ ở miền đông bắc Ấn Độ trong gần một ngàn năm cho đến 1197 (công nguyên), là phản ánh tiêu biểu của nền giáo dục Ấn giáo và Phật giáo truyền thống. Trường đại học Nalanda giảng về Phật pháp, ở thời kỳ đỉnh cao trường có 10 ngàn sinh viên và 1500 giáo sư. Tuy chương trình đào tạo chủ yếu tập trung vào các văn bản tôn giáo, các kiến thức rộng hơn cũng được đưa vào giảng dạy. Trường Nalanda tiếp nhận sinh viên và học giả từ nhiều lĩnh vực kiến thức truyền thống ngoài tôn giáo. Triết lý Phật giáo định nghĩa giáo dục là phương tiện “giáo ngộ” và là một quá trình “khơi dậy tiềm năng bản thân”, một quá trình tiếp thu kiến thức để giải phóng con người khỏi “đốt nát và lệ thuộc”. Cũng như Khổng giáo, Nalanda là một minh họa nữa cho một triết lý giáo dục có trọng tâm - trong trường hợp này là kiến thức tôn giáo - đồng thời vẫn tin tưởng rằng một nền giáo dục đầy đủ đòi hỏi kiến thức rộng hơn ở nhiều lĩnh vực.

---

**Mặc dầu vậy, thật đáng ngạc nhiên, gần đây giáo dục khai phóng lại trở thành một chủ đề nổi bật trong các cuộc tranh luận về giáo dục đại học toàn cầu.**

---

Trường đại học cổ xưa vận hành lâu nhất thế giới là Al-Azhar ở Cairo, Ai Cập. Kể từ khi thành

lập vào năm 975, trường đại học Al-Azhar đã là một trong những trung tâm tư tưởng Hồi giáo quan trọng nhất. Ngay từ đầu, Al-Azhar không chỉ dạy về giáo lý đạo Hồi và luật Sharia (luật Hồi giáo), mà cả triết học, toán và thiên văn do các môn này có liên quan đến đức tin Hồi giáo. Vào thập kỷ 1870, trường Al-Azhar đã mở thêm các ngành khoa học. Trong thế giới Hồi giáo hầu hết chương trình giáo dục sau trung học xây dựng trên nền tảng giáo lý đạo Hồi, nhưng vẫn bao gồm các môn khoa học và nghệ thuật. Điều đó phản ánh một sự nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục toàn diện và một triết lý giáo dục thống nhất.

Như bài viết này đã minh họa, trong nhiều nền giáo dục truyền thống không phải Tây phương, các tổ chức và các nhà giáo dục đã theo đuổi một chương trình đào tạo có phạm vi kiến thức và ngành học rộng. Cho dù trọng tâm, cách tổ chức cũng như yêu cầu cụ thể của các chương trình đào tạo là khác nhau, điểm chung của các nền giáo dục cổ điển với các truyền thống trí tuệ khác nhau là đều tìm kiếm con đường dẫn đến hiểu biết thực tại.

### Kết luận

Ngày nay, khi chủ đề giáo dục khai phóng nổi lên ở phạm vi toàn cầu, những truyền thống giáo dục phi phương Tây phong phú này hầu như không được nói đến, thậm chí cả trong các cuộc tranh luận về đề tài này diễn ra ở châu Á. Động lực để xem xét thay đổi chương trình đào tạo giáo dục đại học phải xuất phát từ những vấn đề của thế kỷ 21 và sự cần thiết đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, nhưng chân lý của giáo dục khai phóng vẫn còn nguyên giá trị như đã có từ thời Khổng Tử, Đức Phật và các nhà hiền triết Hồi giáo. ■

## Chủ nghĩa dân tộc mới: thách thức cho các sinh viên quốc tế

Jenny J.Lee

*Jenny J.Lee là giáo sư về giáo dục đại học tại Đại học Arizona, Hoa Kỳ. E-mail: jennylee@arizona.edu.*

**T**rong một thập kỷ qua, số sinh viên học ngoài biên giới nước mình đã tăng gấp đôi và dự báo xu hướng ngày tăng nhanh hơn trong những năm sắp tới. Cùng với việc tăng nhu cầu quốc tế, các trường đại học cũng đối mặt với thách thức mới

là phải trở nên phù hợp hơn với tính toàn cầu đáp ứng tính đa dạng của sinh viên. Kèm theo là những thách thức to lớn không chỉ liên quan đến những điều chỉnh về văn hóa, cũng không chỉ liên quan đến việc chuẩn bị của sinh viên, mà là những đặc tính của môi trường mới nơi họ sống. Mặc dù lãnh đạo trường có thể rất cố gắng, nhưng nhân viên cũng như cộng đồng địa phương chưa chắc đã chào đón những người mà họ cho là “người ngoài”. Báo chí nêu khá nhiều trường hợp về sự kỳ thị này, từ việc chế giễu cho đến bạo lực chống lại sinh viên quốc tế.

Dù cho đa phần sinh viên quốc tế hứng thú với môi trường mới, vẫn có những người im lặng chịu đựng. Một cuộc điều tra tại bảy trường đại học Nam Phi cho thấy 32% sinh viên sẽ im lặng khi bị đối xử bất công mà không trình báo với ai cả.

### Di chuyển nội vùng tăng nhanh

Cùng với toàn cầu hóa là xu hướng sinh viên di chuyển nội vùng tăng nhanh. Bắt đầu từ trong khối EU rồi lan ra Đông Nam Á, Mỹ Latin, Nam Phi và các vùng khác. Các hiệp định hợp tác khu vực, việc dỡ bỏ những rào cản biên giới, chất lượng đại học tăng nhanh đã góp phần hình thành các trung tâm khu vực, thu hút những sinh viên muốn có bằng quốc tế và ở gần nhà. Tưởng là với trào lưu này, các vấn đề như phân biệt đối xử, ngôn ngữ, khác biệt văn hóa, nhớ nhà... sẽ không quá căng thẳng. Nhưng sự thực không hẳn là như vậy.

### Chủ nghĩa dân tộc mới

Tại Mỹ, sinh viên từ những nước đang phát triển không thuộc phương Tây bị kỳ thị nhiều hơn hẳn sinh viên từ châu Âu, Canada và Úc. Tôi gọi trào lưu này là chủ nghĩa dân tộc mới. Phân biệt chủng tộc mới không chỉ dựa trên những khác biệt sinh học mà còn kèm theo những khác biệt văn hóa thời hậu thực dân. Một sinh viên Trung quốc đến từ Trung quốc sẽ đau đầu hơn rất nhiều một sinh viên gốc Trung nhưng sống ở Mỹ. Đối với sinh viên bị đối xử kém ngay trong khu vực của mình, những nghiên cứu mới nhất của tôi cho thấy có sự kỳ thị không dựa trên chủng tộc mà dựa trên quốc tịch. Trong khi phân biệt chủng tộc dựa vào sắc tộc, thì chủ nghĩa dân tộc mới dựa vào quốc tịch.

Sinh viên cùng một sắc tộc, học trong cùng một khu vực, vẫn có thể bị đối xử khác nhau vì có quốc tịch khác nhau, nhiều khi còn bị ảnh hưởng nặng nề hơn so với sinh viên đến từ những vùng địa lý khác hoặc dân tộc khác.

## Trường hợp Hàn Quốc và Nam Phi

Hàn Quốc và Nam Phi là hai quốc gia đang phát triển có tăng trưởng mạnh mẽ về người nhập cư và sinh viên quốc tế, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ đào tạo đại học cho các nước lân cận. Mặc dù đa phần người nhập cư và sinh viên đến từ những nước có chung biên giới, các trường hợp ngược đãi “người nước ngoài” vẫn xảy ra thường xuyên.

### **Báo chí nêu khá nhiều trường hợp về sự kỳ thị này, từ việc chế giễu cho đến bạo lực chống lại sinh viên quốc tế.**

Hàn Quốc có khoảng 86 ngàn sinh viên nước ngoài, trong đó 69% là từ Trung quốc. Sinh viên các nước Đông Á bị kỳ thị nhiều hơn so với sinh viên Âu, Mỹ và thậm chí các vùng châu Á khác. Trong các nước Đông Á, sinh viên Trung quốc ít được chào đón nhất. Một sinh viên Trung quốc tâm sự: “sinh viên Hàn quốc thích chơi với sinh viên phương Tây, chấp nhận Nhật, nhưng không thích chúng tôi”. Những trải nghiệm như vậy là kết quả của một hình dung méo mó về đất nước Trung quốc. Một vài ví dụ khác khá phổ biến: “Tôi đã nỗ lực tìm việc nhưng luôn bị từ chối. Người phỏng vấn không phân biệt được khi tôi nói chuyện, nhưng khi tôi thừa nhận là tôi không xấu hổ là người Trung quốc thì ông ta từ chối”, “Quản lý ký túc xá tôi nói, không bao giờ nhận sinh viên Trung quốc vì vừa ồn ào, vừa bẩn thỉu”. Đó là những biểu hiện của một sự kỳ thị dựa trên quốc tịch.

Kỳ thị dựa trên quốc tịch - ngay cả khi cùng một chủng tộc - không chỉ ở xảy ra Đông Á. Chẳng hạn ở Nam Phi, 73 ngàn sinh viên ngoại quốc đến từ khu vực miền nam châu Phi (74%). Đông nhất là sinh viên từ nước chung biên giới là Zimbabwe, chiếm khoảng 27%. Giống như ở Hàn quốc, sinh viên quốc tế ở Nam Phi cho biết về việc kỳ thị dựa trên quốc tịch. Một sinh viên giải thích: “Người Zimbabwe bị đối xử không tốt vì những thách thức chính trị và kinh tế của đất nước chúng tôi”. Sinh viên châu Phi khác chia sẻ: “Có vẻ họ không thoải mái khi biết tôi là người Nigeria”. Nhà ở là vấn đề chung với các sinh viên quốc tế. Một sinh viên Zimbabwe cho biết: “Là sinh viên nước ngoài, chúng tôi thường bị người Nam Phi đối xử một cách khinh miệt. Khi thuê nhà, chúng tôi bị đối xử không công bằng, phải trả giá gấp đôi so với người Nam Phi”. So sánh với sinh viên các nước khác,

sinh viên người Mali giải thích: “Sinh viên Nam Phi chào đón sinh viên từ những vùng khác hơn là với sinh viên châu Phi. Họ không quan hệ với sinh viên châu Phi, tuy nhiên lại chào đón các sinh viên nước ngoài khác”.

### Thách thức phía trước

Mặc dù đa số các nước chủ nhà phương Tây có những thành công trong việc hòa nhập sinh viên quốc tế với sinh viên địa phương, vẫn còn rất nhiều thách thức, kể cả với những nước mà đa phần sinh viên có nền tảng văn hóa tương tự.

Trong khi chủ nghĩa dân tộc mới có thể quan sát được ở Mỹ, Anh, Úc thì ở các nước mới nổi như Hàn Quốc và Nam Phi, là điểm đến du học của giáo dục đại học trong khu vực - chủ nghĩa dân tộc mới đang trở dậy. Một số nghiên cứu gần đây cho biết các khó khăn này mang tính toàn cầu. Hơn thế nữa, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mới và chủ nghĩa dân tộc mới là khác nhau, nhưng đó là hai thách thức lớn cho sinh viên quốc tế trong một thế giới toàn cầu ngày phức tạp. ■

## Những thách thức trong việc trao đổi sinh viên ở Đông Nam Á

Thu T. Do and Duy N. Pham

*Thu T. Do là nghiên cứu sinh tiến sĩ quản lý giáo dục, Đại học Saint Louis. E-mail: tdo10@slu.edu. Duy N. Pham là nghiên cứu sinh tiến sĩ về nghiên cứu, đo lường và tâm lý giáo dục, Đại học Massachusetts-Amherst. E-mail: dpham@umass.edu.*

Bị ảnh hưởng bởi xu thế toàn cầu hóa đầu thế kỷ 21, Đông Nam Á đang là khu vực có những thay đổi ấn tượng trong trao đổi sinh viên quốc tế: số sinh viên Đông Nam Á đi học nước ngoài tăng đáng kể, số sinh viên ngoại quốc tốt nghiệp ở các nước Đông Nam Á cũng đang tăng dần. Khi lợi ích từ các chương trình trao đổi sinh viên quốc tế đã trở nên rõ ràng, các nước Đông Nam Á cũng đối đầu với các thách thức trong chiến lược phát triển tiếp theo.

### Những thay đổi gần đây

Các nước Đông Nam Á nằm trong nhóm Top 25 nước có sinh viên đang theo học tại Mỹ, gồm Việt Nam (8), Indonesia (9), Thái Lan (20) và Malaysia (24). Đến năm 2011, nếu kể cả Philippines, có 214 ngàn

sinh viên ở khu vực này đang học ở Mỹ, Anh và Úc. Số sinh viên trao đổi tăng mạnh còn là kết quả của các chương trình hợp tác dạng liên kết hoặc cấp bằng đôi. Hiện có 25 campus đại học nước ngoài tại Đông Nam Á: 1 ở Indonesia, 6 ở Malaysia, 13 ở Singapore, 3 ở Thái Lan và 2 ở Việt Nam.

Đông Nam Á không chỉ gửi sinh viên đi học mà còn phát triển hệ thống đào tạo của mình để thu hút sinh viên quốc tế. Sử dụng tiếng Anh, học phí và chi phí sinh hoạt thấp đang là những điểm hấp dẫn đối với thị trường toàn cầu. Các nước đi đầu như Singapore và Malaysia đang trở thành trung tâm đào tạo của khu vực và thực tế đã trở thành các nước xuất khẩu giáo dục. Theo tờ Guardian, năm 2014, Singapore chào đón 52.959 sinh viên từ 120 nước, Malaysia có 63.625 sinh viên từ 160 nước theo học. Singapore và Malaysia lọt vào top 20 quốc gia thu hút sinh viên du học đông nhất. Đa phần sinh viên đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Ấn Độ và các nước Đông Nam Á khác.

Dòng sinh viên quốc tế từ các nước phương Tây sang Đông Nam Á - dù chưa đông (khoảng 5 ngàn) - nhưng đang tăng dần trong các năm gần đây. Các sinh viên này chủ yếu đến từ Mỹ, Anh, Úc và đến học tại các nước đã phát triển hoặc mới nổi ở Đông Nam Á như Malaysia, Philippine, Singapore và Thái Lan. Đông Nam Á cũng thu hút sinh viên từ khu vực Trung Đông như Các tiểu vương Ả rập thống nhất, Oman, Yemen, Ả rập Saudi và Lebanon. Sau sự kiện 11/9, khi Mỹ hạn chế cấp visa cho các nước Trung Đông, dòng sinh viên từ khu vực này sang Đông Nam Á bắt đầu tăng. Iran chiếm 21,44% trong tổng số 61 ngàn sinh viên quốc tế đang học tại Philippines. Malaysia cũng đang quảng bá tuyển sinh rộng rãi tại Trung Đông.

### Thách thức

Những kết quả nêu trên là bằng chứng về chính sách đúng đắn của chính phủ và các trường đại học trong việc quốc tế hóa thị trường giáo dục. Tuy nhiên, các nước Đông Nam Á đang đối mặt với những thách thức gây trở ngại cho các ưu thế đang có trong các chương trình phát triển sinh viên quốc tế.

Vị thế *châu rìa* của các nước Đông Nam Á trong công nghiệp tạo tri thức là thách thức lớn nhất và là thách thức mang tính cốt lõi. Thực tế chỉ một số ít các nước Đông Nam Á tham gia tạo lập các tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến. Trong số 500 trường đại học nghiên cứu đứng đầu bảng xếp hạng thế giới, Đông Nam Á chỉ có 2 trường

và đều ở Singapore. Do bảng xếp hạng đánh giá dựa trên hiệu quả nghiên cứu và số các giải thưởng lớn dành cho các nghiên cứu nổi bật, thứ hạng của Đông Nam Á chứng tỏ các trường đại học khu vực này đang đứng ngoài rìa việc tham gia tạo lập tri thức và mở mang bờ cõi trí tuệ.

Chính vị thế yếu về nghiên cứu phát triển làm cho các trường trong khu vực kém hấp dẫn với các sinh viên quốc tế. Ví dụ sinh viên các nước Đông Nam Á ít khi đến các nước trong khu vực để du học hoặc thậm chí chỉ là để tham gia các chương trình trao đổi sinh viên. Thay cho việc chọn du học tại các nước trong khu vực, các gia đình khá giả tại Việt Nam, Indonesia, Malaysia thường chọn gửi con đi học tại các nước nói tiếng Anh ngoài khu vực. Đây là vấn đề các trường đại học Đông Nam Á gặp phải khi không có khả năng thu hút sinh viên giỏi hoặc sinh viên thuộc gia đình khá giả như các trường nước ngoài khác.

---

### Các nước Đông Nam Á nằm trong nhóm Top 25 nước có sinh viên đang theo học tại Mỹ

---

**Chảy máu chất xám:** trong vài thập kỷ gần đây, số liệu thống kê chỉ rõ đa số sinh viên chuyển từ Đông sang Tây, từ các nước không nói tiếng Anh sang các nước nói tiếng Anh. Không chỉ sinh viên mà các giáo sư giỏi cũng chạy từ Đông Nam Á sang Anh, Mỹ, Úc, Nhật. Tất nhiên mức độ chảy máu chất xám khác nhau ở các nước khác nhau, nhưng đều là thách thức với các nước khu vực này. Các nước đã phát triển như Singapore chẳng hạn, thì giữ được người giỏi không để họ chạy sang các nước phương Tây hoặc Nhật bản. Còn các nước có chất lượng đào tạo thấp thì vừa mất người vừa mất nguồn tài chính để tạo lập và phát triển các trường đẳng cấp, khi sinh viên và giảng viên giỏi của họ đi mất. Đa số sinh viên và giảng viên giỏi của Việt Nam học và làm việc tại nước ngoài. Ví dụ gần 100% học sinh các trường phổ thông tốt nhất ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đi du học đại học nước ngoài. Tương tự, đa số các học sinh đạt giải toán quốc tế đã đi du học và ở lại làm việc để phát triển sự nghiệp học thuật của mình.

**Rào cản tiếng Anh:** việc tiếng Anh không phải là ngôn ngữ chính thức trong việc giảng dạy và công bố tại nhiều nước là trở ngại lớn cho việc thu hút sinh viên quốc tế và tham gia vào cộng đồng khoa

học rộng hơn. Ngoại trừ Singapore, Philippines và Thái Lan, đa số các trường ở các nước khác có rất ít khóa học bằng tiếng Anh. Đây cũng là một lý do mà số sinh viên nước ngoài đến học còn ít, kể cả theo dạng trao đổi sinh viên. Nếu như nỗ lực tạo thêm nhiều khóa học bằng tiếng Anh với học phí phù hợp không thành công, các trường đại học nơi tiếng Anh không phải là ngôn ngữ giảng dạy sẽ không trở thành điểm thu hút nhiều sinh viên quốc tế.

Các nước Đông Nam Á cần nhận thức được những thách thức trên, hoạch định chính sách để vượt qua các thách thức, khắc phục, hạn chế các ảnh hưởng xấu, cải thiện chất lượng và hiệu quả giáo dục. Đây là con đường phát triển nâng cao tầm đại học và góp phần phát triển xã hội. ■

## Pháp tranh luận về học phí của sinh viên quốc tế

**Ariane de Gayardon**

*Ariane de Gayardon là nghiên cứu sinh tiến sĩ về Giáo dục Đại học tại Boston College. Bà còn là trợ lý nghiên cứu tại Trung tâm Đại học Quốc tế. E-mail: ariane.de.gayardon@gmail.com.*

Với 4 triệu sinh viên học ở nước ngoài trong năm 2012, việc sinh viên du học trở thành một thuộc tính quan trọng của quốc tế hóa giáo dục đại học. Các nước là điểm đến du học đang tiếp nhận một số lượng sinh viên du học ngày càng tăng và bắt đầu phải nghĩ đến chính sách tài chính sinh viên. Trong thời buổi thắt lưng buộc bụng ở quy mô toàn cầu, câu hỏi chính đáng đặt ra là lấy tiền đâu để chi, có hỗ trợ sinh viên nước ngoài như sinh viên bản địa hay không?

Đây là một trong những chủ đề chính do nhóm nghiên cứu chính sách France Stratégie cố vấn cho thủ tướng Pháp nêu lên trong báo cáo đầu năm 2015 – với đề xuất cần đưa ra mức học phí riêng cho sinh viên quốc tế. Tuy không phải là nước đầu tiên đưa ra chính sách thu phí sinh viên quốc tế và chắc cũng không phải là nước cuối cùng, nhưng quan điểm của Pháp - nước đứng thứ ba trong danh sách các điểm đến du học và nơi có một nửa số sinh viên quốc tế đến từ châu Phi - rất đáng để nghiên cứu.

### Các quốc gia an sinh xã hội

Các nước châu Âu được xem như là các quốc gia an sinh xã hội, thường tự cho mình có nghĩa vụ tài trợ phần lớn học phí cho sinh viên. Bởi thế họ rất nhạy cảm với các tranh luận về việc có nên tiếp tục trợ cấp cho sinh viên nước ngoài hay không, đặc biệt là trong thời buổi khó khăn cho ngân sách giáo dục như hiện nay. Ngay cả các nước Bắc Âu - hình mẫu cho các quốc gia an sinh xã hội - cũng đã bắt đầu thay đổi. Thụy Điển và Đan Mạch đã áp dụng chính sách thu học phí của sinh viên quốc tế. Phần lan nhiều khả năng sẽ đưa chính sách này vào áp dụng từ năm 2016 mặc dù kết quả thử nghiệm không rõ ràng và liên đoàn sinh viên phản đối.

### Tình trạng của nền giáo dục đại học Pháp

Pháp rõ ràng là một quốc gia an sinh xã hội với học phí rất thấp. Năm học 2014-2015, học phí đại học vào khoảng \$210 một năm cho cả sinh viên trong nước và quốc tế. Theo số liệu của OECD, năm 2011 chính phủ Pháp tài trợ đến 80,8% chi phí của hệ thống đại học công. Mỗi sinh viên đại học được tài trợ \$12.500/năm so với con số \$7.700 vào những năm 1980. Số lượng sinh viên lại tăng lên không ngừng, nên không lạ là vấn đề ai sẽ chi trả tiếp tục được nêu lên.

Báo cáo của nhóm nghiên cứu của Thủ tướng có tên là “Đầu tư vào quốc tế hóa đại học” được công bố vào năm 2015. Báo cáo này đề xuất thu phí toàn phần với các sinh viên quốc tế và cho phép các trường đại học sử dụng tiền đó để đẩy mạnh việc quốc tế hóa. Tuy nhiên “đặc thù Pháp” làm cho cuộc tranh luận rất sôi nổi.

### Hấp dẫn ai?

Pháp là nước tiếp nhận sinh viên du học khá đặc thù. Hiện Pháp được xếp thứ 3 trong danh sách các nước hấp dẫn sinh viên du học do UNESCO công bố năm 2012, chiếm khoảng 7% trong tổng số 4 triệu sinh viên du học. Đáng chú ý là những nước đứng đầu danh sách thu hút sinh viên du học như Anh, Mỹ và Úc đều thu học phí cao.

Việc thu phí sinh viên quốc tế ở Pháp còn gây tranh cãi một phần là bởi nguồn gốc của sinh viên. Gần một nửa sinh viên quốc tế đến từ châu Phi và các nước thuộc địa cũ của Pháp như Morocco, Algeria, Tunisia, Senegal, Cameroon đứng đầu danh sách. Rõ ràng là họ khó có thể trả được mức phí \$12.500/năm. Ngay cả với học phí gần như bằng 0 như hiện nay, kết quả điều tra chỉ ra rằng

82% sinh viên vẫn cho rằng học ở Pháp là một gánh nặng tài chính cho họ và gia đình họ. Trong bối cảnh đó, không thể tăng học phí mà không xét đến các hậu quả với các sinh viên có mong muốn và cần được hưởng một nền giáo dục đại học tốt. Hơn nữa vấn đề giáo dục như một dạng phúc lợi xã hội cũng được nêu lên, vì Pháp vẫn đang là một nước giúp đỡ các nước có nền kinh tế kém may mắn bằng cách cung cấp cho họ nguồn nhân lực chất lượng – yếu tố quan trọng của mọi nền kinh tế ngày nay.

**Đây là một trong những chủ đề chính do nhóm nghiên cứu chính sách France Stratégie cố vấn cho thủ tướng Pháp nêu lên trong báo cáo đầu năm 2015 – với đề xuất cần đưa ra mức học phí riêng cho sinh viên quốc tế.**

Theo quan điểm của Pháp, đây là sự đánh đổi giữa số lượng và sự đa dạng của sinh viên quốc tế. Tăng học phí rõ ràng là sẽ giảm số sinh viên đến Pháp. Báo cáo dự đoán là Pháp sẽ mất 40% sinh viên – một con số khó có thể khôi phục lại được. Không dễ mà tìm được nguồn sinh viên có khả năng chi trả chịu đến Pháp du học với rào cản ngôn ngữ hiện nay và sự cạnh tranh với các nước Mỹ, Anh và Úc.

Cuối cùng, phải xem xét khía cạnh kinh tế. Năm 2014, lợi ích kinh tế do sinh viên quốc tế mang lại vào khoảng \$5 tỷ, với thặng dư dương là \$1,6 tỷ sau khi trừ đi chi phí học phí. Số tiền này vượt xa con số \$930 triệu mà báo cáo cho là sẽ tiết kiệm được khi nâng học phí. Bởi thế, lợi ích do sinh viên quốc tế tham gia vào nền kinh tế có thể xứng đáng để nhà nước đầu tư giáo dục cho họ.

### Kết luận

Tháng 7 năm 2015, chính phủ Pháp chấm dứt tranh luận bằng cách quyết định giữ mức học phí của sinh viên quốc tế giống như với sinh viên nội địa và EU. Tuy nhiên cuộc tranh luận đã mở ra một cánh cửa về khả năng tăng học phí cho tương lai. Như Phần lan chẳng hạn, cũng đã chần chừ trong mấy năm rồi cuối cùng cũng phải quyết định tăng học phí trong năm 2016. Khi cuộc tranh luận trở lại, nước Pháp sẽ không chỉ phải xem xét lại vai trò của sinh viên quốc tế trong hệ thống giáo dục đại học mà còn vai trò của các nước phát triển trong việc đào tạo thế hệ trẻ người nước ngoài. Bởi thế, không

nên chỉ dừng lại tranh luận về các luận cứ kinh tế mà cần tập trung vào sự đa dạng của hệ thống, các phúc lợi công cộng toàn cầu và quốc gia, thậm chí cả các chính sách đối ngoại. ■

## Chất lượng giảng dạy tại Anh dưới kính hiển vi: động lực ở đâu?

Robin Middlehurst

*Robin Middlehurst là cố vấn chính sách đối ngoại và giáo sư đại học Kingston London, Anh quốc. E-mail: r.middlehurst@kingston.ac.uk.*

Hệ thống giáo dục đại học của Anh thường được đánh giá khá cao về chất lượng đào tạo dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau. Ví dụ như năm 2015, bảng xếp hạng quốc gia Guardian thăm dò 119 trường cho thấy tỷ lệ sinh viên hài lòng với giảng dạy là 77,6% đến 93,3%, trong khi đó theo kết quả Khảo sát Sinh viên Quốc gia năm 2015 tại 156 trường, tỷ lệ này là từ 74% đến 98%. Các chỉ tiêu cũng cho thấy Anh là nước có hỗ trợ tốt cho việc hưởng thụ giáo dục đại học của các tầng lớp dân chúng thiểu số, khích lệ sinh viên học tập và thành công trong việc tìm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Hàng chục năm nay, hệ thống giáo dục đại học Anh có cơ chế giám sát chất lượng chặt chẽ về dạy, học, thi cử và thiết kế chương trình. Các tổ chức chuyên nghiệp, pháp lý và nhà nước giám sát ở mức chương trình, còn Cục Quản lý Chất lượng giám sát ở mức trường. Đánh giá nội bộ cũng như đánh giá từ bên ngoài được hỗ trợ bởi “Bộ Nguyên tắc Chất lượng Đại học” được công bố chi tiết. Ngoài ra Anh còn là nước tiên phong trong việc phát triển “Khung tiêu chuẩn chuyên nghiệp quốc gia” (UKPSF) cho các công việc giảng dạy, học tập và thi cử ở cấp đại học. Cá nhân nào hoàn thành chương trình được UKPSF chấp nhận sẽ được công nhận là “Hội viên” của Học viện Giáo dục Đại học Quốc gia, một tổ chức được lập ra nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện tại Học viện này có hơn 60 ngàn hội viên, kể cả ở nước ngoài.

### Những sáng kiến mới về “Giảng dạy xuất sắc”

Có 3 sáng kiến quan trọng đang được triển khai nhằm tập trung hơn vào dạy, học, thi cử và đo

lượng. Đó là các sáng kiến “Xem xét Đánh giá Chất lượng của các Tổ chức Tài trợ” (2014-2015), đề xuất một cách tiếp cận hoàn toàn mới trong thẩm định chất lượng theo phương thức tự đánh giá cũng như đánh giá ngoài; sáng kiến “Khuôn khổ Giảng dạy xuất sắc” do Bộ trưởng mới giới thiệu tại London và được công bố trong “Sách Xanh” xuất bản ngày 6.11.2015; và cuộc điều trần của Quốc hội đối với hai tài liệu trên và những ảnh hưởng của các sáng kiến này đến toàn bộ hệ thống. Những sáng kiến trên đang được bàn luận sôi nổi ở trong và ngoài Liên hiệp Anh. Vậy động cơ chính ở đây là gì?

Rõ ràng là không có những “vấn đề chết người” về chất lượng giáo dục ở Anh, thậm chí có thể nói ngược lại. Tất cả các trường đều đang chú trọng vào giảng dạy vào chất lượng và trải nghiệm của sinh viên. Khi mà khó để nắm bắt được những động cơ thực sự trong một bối cảnh chính trị phức tạp, bộ ba sáng kiến trên có thể dựa trên lý do để phát triển nước Anh, hoặc để có cộng hưởng quốc tế rộng rãi hơn.

### Góc nhìn chính trị

Đầu tiên là động cơ chính trị, tập trung vào Anh quốc. Trong thập kỷ gần nhất, dưới sự cầm quyền của các đảng phái chính trị khác nhau, nền giáo dục đại học Anh đã có các điều chỉnh mở cửa cho các trường tư tham gia đào tạo và cấp bằng, tiếp cận quỹ tín dụng sinh viên. Học phí sinh viên được công bố và tăng cao. Các thống kê của OECD cho thấy sự dịch chuyển từ hệ thống đa số trường công sang việc gia tăng đầu tư của vào các trường tư trong hệ thống giáo dục đại học - đặc biệt là với các ngành không thuộc nhóm STEM (Science-Khoa học, Technology-Công nghệ, Engineering-Kỹ thuật và Math-Toán). Ngân sách nghiên cứu tập trung vào một số ít trường hơn và chia xẻ một phần của ngân sách giảng dạy vốn đang bị cắt giảm. Các bộ trưởng bảo thủ trong chính phủ trước và hiện tại có hai quan ngại về những gì đang xảy ra trong giáo dục đại học (như là hệ quả của các chính sách nhà nước). Thứ nhất là giá-trị-đồng-tiền liên quan đến học phí mới và các mức phí, phí được chính phủ trả trước và người học hoàn lại sau. Thứ hai là việc để cao nghiên cứu đang làm phương hại đến chất lượng giảng dạy, giảm mức chi cho giảng dạy, đặc biệt khi so sánh với những sáng kiến trong Khuôn khổ Nghiên cứu Xuất sắc. Việc công bố “Khuôn khổ Giảng dạy Xuất sắc” là để cân bằng lại xu hướng này.

### Góc nhìn kinh tế

Động cơ thứ hai là kinh tế, tuy tập trung chỉ ở Anh nhưng có ảnh hưởng rộng hơn. Chính phủ mới được bầu tháng 5/2015 cam kết theo đuổi chính sách tài chính thắt lưng buộc bụng đã được triển khai để đối phó với cuộc khủng hoảng kinh tế từ 2007-2008. Việc cắt giảm ngân sách giáo dục đã và sẽ còn xảy ra. Để cắt giảm được nhiều hơn và theo đuổi các mục tiêu như chính sách thúc đẩy thị trường hóa giáo dục, chính phủ đang tìm cách thay đổi toàn diện cấu trúc hệ thống. Các trường mới thì chạy chọt để có thể tham gia vào hệ thống học bổng sinh viên, bảo đảm “sân chơi công bằng” về mặt luật pháp. Các trường “truyền thống” thì đấu tranh đòi bỏ chế độ kiểm soát ngặt nghèo do tăng gánh nặng về chi phí, dựa trên chất lượng đã được minh chứng và chuyển sang hệ thống quản lý chất lượng “dựa trên rủi ro”. Trong khuôn khổ hoạt động xem xét đánh giá chất lượng của các tổ chức tài trợ, nước Anh sẽ nghiên cứu mô hình công nhận học thuật theo vùng của Mỹ và các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng có rủi ro của Úc.

### Góc nhìn xã hội

Động cơ thứ ba là góc nhìn xã hội, tuy xuất phát từ hoàn cảnh nước Anh nhưng có ảnh hưởng quốc tế rộng rãi. Hệ thống đại học Anh hiện tại là một hệ thống đa dạng, phục vụ số đông và có nhiều tầng lớp xã hội tham gia. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ và được giám sát, đó vẫn chưa phải là một hệ thống công bằng về khả năng học tập, tiến bộ và thành đạt, nhất là đối với các sinh viên thuộc nhóm xã hội thấp như người da đen, thiểu số hoặc bị tàn tật. Khi thu nhập được nhiều số liệu hơn về các nhóm mục tiêu, bức tranh giữa các trường sẽ rõ ràng hơn, giúp nhận dạng được trường nào đang sử dụng dữ liệu một cách hệ thống để tăng chất lượng sinh viên đầu ra và các trường nào không làm. Việc sử dụng rộng rãi hơn các độ đo để tiệm cận chất lượng và đào tạo xuất sắc được đề xuất trong các xem xét hiện tại.

Tất nhiên là còn những động lực quan trọng khác của các trường đại học và chính phủ như khuyến khích sáng tạo trong giảng dạy và duy trì cạnh tranh toàn cầu trong việc thu hút sinh viên quốc tế, nhưng ba động cơ chính trị, kinh tế và xã hội nêu trên được tranh luận nhiều nhất. Và không có gì ngạc nhiên là cuộc tranh luận này lan sang các quốc gia khác, đặc biệt là những phê phán mạnh mẽ xung quanh hệ thống kiểm định của Mỹ. ■

## Giáo dục đại học tại Kosovo: Cuộc chuyển giao kéo dài

**Xhavit Rexhaj**

*Xhavit Rexhaj là hiệu phó đối ngoại, Đại học AAB, Pristina, Kosovo. E-mail: xhavit.rexhaj@aab-edu.net. Bài báo này đã xuất hiện trong một hình thức khác trên tạp chí Stepping Into a New Era, do A. Glass biên tập (European Association for International Education, 2014 Conference Conversation Starter)*

Cũng như xã hội Kosovo, hệ thống giáo dục đại học của nước này cũng đang trải qua một quá trình chuyển biến dài: từ một hệ thống bị chính trị hóa và hủy diệt hoàn toàn cuối những năm 90 đến một hệ thống đang cố gắng phấn đấu cung cấp một dịch vụ có chất lượng và hội nhập với châu Âu.

Kosovo có dân số 1,8 triệu dân, thuộc loại trẻ nhất châu Âu với 45% dưới 25 tuổi và hơn 25% dưới 15 tuổi. Theo cuộc điều tra dân số năm 2011, Kosovo có tỷ lệ sinh viên học sau phổ thông là 6,72%, thấp hơn các nước Tây Balkan (trung bình 8-14%). 15 năm sau chiến tranh năm 1999, Kosovo nâng tỷ lệ sinh viên từ 12 lên 55 trên một ngàn dân. Giai đoạn này cũng chứng kiến những sự thay đổi có tính cấu trúc của hệ thống.

### Mở rộng vô kế hoạch và những thay đổi cấu trúc

Số lượng trường đại học công tăng từ một trường (Đại học Pristina - UP, thành lập năm 1970) với 27 ngàn sinh viên lên 6 trường dạy bằng tiếng Anbani (thành lập trong khoảng thời gian 2010-2013) và một trường dạy bằng tiếng Serb (thành lập năm 2000), với tổng số sinh viên năm 2014 là trên 75 ngàn. Các trường tư cũng mọc ra như nấm. Từ 2004 đến 2014, số lượng trường tư (gọi là “colleges” hoặc “higher schools”), được các cơ quan chức năng tổ chức cấp phép và kiểm định, tăng từ 2 lên 25. Hệ thống các trường tư chiếm khoảng 1/3 số sinh viên ở Kosovo, tập trung chủ yếu ở bậc đại học và thạc sỹ và đang tiếp tục tăng.

### Hệ quả của việc phát triển nóng

Một số dữ liệu hiếm hoi của Bộ Giáo dục, Khoa học và Công nghệ - và Cục Thống kê về số lượng sinh viên nhập học và tốt nghiệp ở trường UP trong giai đoạn 2008-2013 cho thấy số sinh viên tăng khá nhanh. Việc tăng nhanh số lượng sinh viên đã ảnh hưởng rất xấu tới chất lượng đào tạo và hiệu quả học tập của sinh viên, khi số lượng sinh viên tốt nghiệp giảm đi cả về số tuyệt đối

cũng như tỷ lệ tương đối. Trong năm học 2008-2009 có 5161 sinh viên tốt nghiệp, bằng 2/3 số sinh viên nhập học năm 2005 là 7000. Cùng năm học này, UP nhận thêm 10 ngàn sinh viên mới. Ba năm sau, năm 2011, chỉ có 4496 sinh viên - tức 45% số nhập học - tốt nghiệp tham gia vào thị trường lao động. Hậu quả là số sinh viên nhập học tăng hơn 40% trong 3 năm (2005-2008), khi đầu ra thay cho việc tăng lại giảm khoảng 10%. Số liệu cho thấy sự yếu kém của hệ thống: số sinh viên nhập học tăng, nhưng số tốt nghiệp giảm do sinh viên bỏ học, lưu ban - như hệ quả của việc mở rộng hệ thống ngoài tầm kiểm soát - và xu thế đó vẫn tồn tại đến tận hôm nay.

Mặc dù số lượng sinh viên trong các trường công tăng gấp 3 lần trong giai đoạn 2008-2013, ngân sách nhà nước tăng không tương xứng (ít hơn 40%), số lượng giáo viên tăng ít hơn 30%, cơ sở vật chất cũng vậy. Trung bình các trường công ở Kosovo chi khoảng €300-€500 cho một sinh viên một năm, chỉ bằng 1/3 các nước trong khu vực Tây Balkan và bằng 1/15 các nước trong khối OECD. Cho đến tháng 6 năm 2014, sinh viên trường công chỉ phải trả một khoản học phí thấp khoảng €100 (\$130). Để lấy lòng dân trong chiến dịch tranh cử 2014, chính phủ hứa hẹn giảm 50% học phí. Kết quả là phí chuyển tiền và chi phí quản lý việc thu học phí đã lớn hơn số học phí thu được. Hệ thống mở rộng nhưng không được cấp đủ nguồn lực. Thay vào đó các nguồn lực hiện có lại bị phân tán cho một hệ thống được mở rộng kinh khủng, đội ngũ giảng viên và quỹ tài chính của UP bị chia bớt cho các trường công khác. Đây là lý do để hiểu giải thích tình trạng này đang ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng dạy và học như thế nào.

### Xếp xó việc nghiên cứu

Ngoài việc chất lượng giảng dạy, các hoạt động về học thuật và nghiên cứu được giảm xuống tối thiểu. Bộ trưởng và các cố vấn ra sức tuyên truyền về việc Kosovo là một “xã hội tri thức”. Nhưng các trường đại học hầu như không tạo ra và đóng góp tri thức cho xã hội dưới dạng các nghiên cứu hoặc những kỹ năng được ứng dụng. Ngược lại, hệ thống giáo dục đại học đã dần dần biến thành bộ máy bơm những nội dung tri thức đã lạc hậu cho thế hệ sau. Với việc tăng nhanh số lượng sinh viên, tuyệt đại đa số ngân sách nghiên cứu bị chuyển sang cho giảng dạy và nghiên cứu không còn là một hoạt động học thuật đáng được chú ý nữa.



Với nhiều nhà học thuật, nghiên cứu trở thành đường tắt để có thể lên chức và được tăng lương. Mục tiêu của việc “tiến hành nghiên cứu” là bảo đảm sự ổn định cá nhân trong một môi trường luôn thay đổi. Tình hình gần đây trở nên xấu hơn khi một số giáo sư, thậm chí hiệu trưởng, công bố các công trình của họ trong những tạp chí khoa học rôm ở Ấn Độ để lấy chức danh giáo sư. Tuy nhiên gần đây việc bê bối này không che dấu báo chí được nữa. Cuối năm 2014, dưới sức ép của truyền thông trong nước cũng như quốc tế và các cuộc biểu tình của sinh viên, hiệu trưởng trường UP đã phải từ chức. Phóng viên điều tra đang hé mở các hoạt động nghiệp vụ đáng ngờ của các giáo sư và giảng viên đại học.

### Vai trò của hệ thống giáo dục đại học

Cố gắng của chính phủ nhằm thu hút đông sinh viên tham gia vào hệ thống giáo dục đại học rõ ràng là đi lệch hướng. Các trường đại học buộc phải đóng vai chính trị xã hội chứ không còn vai trò học thuật thuần túy. Việc tăng số sinh viên trường công và trường tư không làm tăng số

lượng tốt nghiệp cũng như việc làm của những sinh viên này và có vẻ như chỉ là lui lại thời điểm ném họ vào thị trường lao động tràn ngập những người không đủ kỹ năng. Ngoài ra việc thành lập trường đại học tại các thành phố lớn có thể mang lại phiếu bầu như cuộc bầu cử năm 2014 cho thấy. Nhưng lập đi lập lại khắp Kosovo việc mở trường như thế sẽ giảm chất lượng các trường uy tín ở thủ đô.

### Những thay đổi gần nhất

Trong năm 2014 đã có một số thay đổi hứa hẹn bước phát triển mới trong hệ thống giáo dục đại học ở Kosovo. Bộ trưởng giáo dục mới được bổ nhiệm, hiệu trưởng mới của trường UP cũng được bầu. Bộ trưởng mới đã bắt đầu một loạt những chính sách mới nhằm cải tổ hệ thống, còn hiệu trưởng mới thì tập trung cải tổ chất lượng đào tạo của UP. Chắc phải cần đến 5-7 năm nữa mới biết được những cải cách bây giờ có hiệu quả đến đâu. Dù sao thì sự xuất hiện của họ cũng là ánh sáng cuối đường hầm của hệ thống giáo dục đại học Kosovo.

## CÁC ÁN PHẨM MỚI

Clancy, Patrick. *Irish Higher Education: A Comparative Perspective*. Dublin: Institute of Public Administration, 2015. 325 pp. Euros 28. ISBN 978-1-910393-04-8. Web site: [www.ipa.ie](http://www.ipa.ie).

Tập sách độc đáo này phân tích toàn diện nền giáo dục đại học Ireland theo góc độ so sánh (chủ yếu là châu Âu), cung cấp các thông tin thống kê cũng như thông tin chi tiết. Cuốn sách có các chủ đề về mở rộng và đa dạng hóa giáo dục đại học từ góc nhìn Ireland và rộng hơn, về việc tiếp cận giáo dục, tuyển sinh, giữ chân sinh viên, trải nghiệm của sinh viên, nghề nghiệp nhà giáo, giáo dục đại học và thị trường lao động, các vấn đề tài chính cùng những nội dung khác.

Cloete, Nico, Peter Maassen, and Tracy Bailey, eds. *Knowledge Production: Contradictory Functions in African Higher Education*. Cape Town, South Africa: African Minds Publishers, 2015. 295 pp. (pb). ISBN 9781920677855. Web site: [www.africanminds.org.za](http://www.africanminds.org.za).

Cuốn sách này phân tích các khía cạnh liên quan đến yếu tố phát triển, chủ yếu tại tám trường đại học nghiên cứu dẫn đầu ở cận Sahara - châu Phi. Một số chủ đề được

xem xét trong các chương dựa trên dữ liệu là hiệu suất của các trường đại học, vai trò của Nam Phi như một trung tâm đào tạo tiến sĩ cho châu Phi, các chính sách khuyến khích học thuật để tạo lập tri thức ở Mozambique và Kenya, sự tham gia của sinh viên vào hoạt động công dân, vai trò của các Hội đồng khoa học ở châu Phi - cùng những nội dung khác.

Dougherty, Kevin J., and Rebecca S. Natow. *The Politics of Performance Funding for Higher Education: Origins, Discontinuities, and Transformations*. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 2015. 257 pp. (hb). ISBN 978-1-4214-1690-8. Web site: [www.press.jhu.edu](http://www.press.jhu.edu).

Kinh phí đặt hàng là nguồn tài chính của nhà nước hỗ trợ cho giáo dục đại học công lập để thực hiện các công việc với kết quả cụ thể. Dựa trên thực tiễn tại 8 bang của Mỹ, các tác giả xem xét các khoản kinh phí đặt hàng được định nghĩa và tính toán như thế nào, ảnh hưởng ra sao đến nguồn tài trợ. Trọng tâm của cuốn sách là các khía cạnh chính sách liên quan đến chủ đề này.

Gerber, Larry G. *The Rise and Decline of Faculty Governance: Professionalism and the Modern American University*.

Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 2015. 250 pp. \$29,95 (pb). ISBN 978-1-4214-1462-1. Web site: [www.press.jhu.edu](http://www.press.jhu.edu).

Một cái nhìn lịch sử tổng quan về thực trạng chia sẻ quản trị trong các trường đại học Mỹ. Cuốn sách này cho thấy khi các trường đại học Mỹ trở nên chuyên nghiệp hơn thì sức mạnh và quyền lực của các giảng viên bị suy giảm. Các giảng viên đã trở nên chuyên nghiệp hơn trong thế kỷ 19 và điều này đã tăng cường sức mạnh và quyền lực của họ trong các trường đại học. Tuy nhiên gần đây, với việc “doanh nghiệp hóa” và mở rộng giáo dục đại học, các giảng viên đã mất dần quyền lực của mình.

Geuna, Aldo, and Federica Rossi. *The University and the Economy: Pathways to Growth and Economic Development*. Cheltenham, UK: Edward Elgar, 2015. 208 pp. \$120 (hb). ISBN 978-1-78254-948-2. Web site: [www.e-elgar.com](http://www.e-elgar.com).

Bản phân tích về các phương thức tham gia đóng góp khác nhau của trường đại học vào phát triển kinh tế. Cuốn sách này xem xét cả khía cạnh tác động của các trường đại học vào kinh tế và khía cạnh kinh tế nội bộ trong các trường đại học. Trong số các chủ đề được xem xét có nội dung về chuyển giao

tri thức giữa đại học và doanh nghiệp, giáo dục đại học và phúc lợi kinh tế, vai trò kinh tế và tác động của các nghiên cứu trong trường đại học - cùng những nội dung khác.

Hall, Budd, Rajesh Tandon, and Crystal Tremblay, eds. *Strengthening Community-University Research Partnerships: Global Perspectives*. Victoria, Canada: University of Victoria, 2015. 305 pp. (electronic edition only). ISBN 978-1-55058-562-9. Web site: [www.unescochair-cbrsr.org](http://www.unescochair-cbrsr.org).

Với việc tập trung xem xét các quan hệ giữa đại học với cộng đồng, tập sách này cung cấp một phân tích tổng thể về xu hướng toàn cầu với một loạt các ví dụ thực tiễn của Argentina, Brazil, Canada, Ấn Độ, Nam Phi, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ, Uganda và những nước khác. Các ví dụ đưa ra cho

phép thảo luận về các quan hệ đối tác và liên kết theo các mô hình khác nhau.

Jenkins, Laura Dudley, and Michelle S. Moses, eds. *Affirmative Action Matters: Creating Opportunities for Students Around the World*. Abingdon, UK: Routledge, 2014. 221 pp. (hb). ISBN 978-0-415-50807-0. Web site: [www.routledge.com/education](http://www.routledge.com/education).

Thảo luận toàn cầu về sáng kiến Hành động Khẳng định (Affirmative Action - nâng đỡ các thành phần thiểu số hay sắc tộc bị thiệt thòi), tên của chương trình được đưa ra nhằm cải thiện tình hình kỳ thị chủng tộc, giới tính hoặc các nhóm thiểu số khác trong giáo dục đại học. Cuốn sách này cung cấp các ví dụ thực tiễn cũng như tổng quát về quan điểm các quốc gia liên quan đến vấn đề này. Trong số các nước đưa ra có

Nam Phi, Ethiopia, Hoa Kỳ, Brazil, Ấn Độ và Bulgaria. Bạn đọc cũng được cung cấp một thư mục hữu ích về chủ đề này.

Keenan, James F., SJ. *University Ethics: How Colleges Can Build and Benefit from a Culture of Ethics*. Lanham, MD: Rowman and Littlefield, 2015. 281 pp. (hb). ISBN 978-1-4422-2372-1. Web site: [www.rowman.com](http://www.rowman.com).

Tác giả Keenan cho rằng vấn đề đạo đức thường không được xem xét kỹ trong bức tranh giáo dục đại học Mỹ và cổ vũ một cuộc thảo luận tích cực hơn nhằm phân tích các khía cạnh đạo đức trong đời sống đại học. Ông đặc biệt tập trung vào các khía cạnh đạo đức liên quan đến gian lận trong các viện nghiên cứu, các hành vi học thuật sai trái, việc đa dạng chủng tộc, diễn kinh, giới tính và những nội dung khác.

---

#### Tin tức của Trung tâm Giáo dục đại học Quốc tế (The Center For International Higher Education - CIHE)

---

Trung tâm đang lên kế hoạch phối hợp với Global Leadership Institute (GLI) tại Boston College tổ chức đào tạo về quốc tế hóa và kỹ năng lãnh đạo dành cho cán bộ quản lý của một nhóm các trường đại học Nga. Hoạt động này liên quan đến Dự án 5-100 được Bộ Giáo dục Đại học Nga tài trợ (dự án 5-100 là đến năm 2020 có 5 trường đại học Nga vào trong TOP 100 bảng xếp hạng đại học toàn cầu). Chương trình đào tạo sẽ tổ chức 2 tuần tại Boston College vào mùa xuân năm 2016, sau đó là 2 tuần ở châu Âu. Điều phối chương trình đào tạo này là Tiến sĩ Fiona Hunter của CHEI - Trung tâm Quốc tế hóa Giáo dục Đại học, Università Cattolica del Sacro Cuore ở Milan.

Cũng tương tự, với sự hợp tác của United Board (UB) for Christian Higher Education in Asia và GLI, Trung tâm đang lên kế hoạch tổ chức một seminar 3 tuần với nội dung về kỹ năng lãnh đạo và phát triển nghề nghiệp dành cho 15-20 thành viên UB vào tháng 7 năm 2016.

Trung tâm tiếp tục làm việc chặt chẽ với Higher School of Economics tại Moscow để ra mắt cuốn sách hợp tác mới nhất dưới cái tên *The Global Academic Rankings Game: Changing Institutional Policies, Practice, and Academic Life*. Cuốn sách này sẽ được NXB Routledge phát hành đầu năm 2016. Một việc cũng đang được tiến hành là phân tích 11 quốc gia về kinh nghiệm phát triển

giảng viên quốc tế, sẽ công bố vào năm 2016 hoặc 2017.

Hans de Wit hiện đang tham gia đồng biên tập của hai cuốn sách: *Global and Local Internationalization* (NXB Sense), cùng với Elspeth Jones, Jos Beelen và Robert Coelen và *Globalization of Internationalization* (NXB Routledge), cùng với Elspeth Jones, Nico Jooste và Jocelyne Gacel-Avila. Cuốn sách mới nhất của Philip Altbach: *Global Perspectives on Higher Education* sẽ được Johns Hopkins University Press xuất bản đầu năm 2016.

Trung tâm cũng đang lên kế hoạch triển khai chương trình đào tạo cao học về giáo dục đại học quốc tế năm học 2016/2017. Thông tin chi tiết về chương trình này sẽ sớm được công bố...

---

### **Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (The Center For Higher Quốc tế Giáo dục - CIHE)**

Trung tâm Giáo dục Đại học quốc tế - Boston College dựa trên góc nhìn quốc tế để phân tích về giáo dục đại học. Chúng tôi tin rằng góc nhìn quốc tế sẽ đóng góp vào việc soi sáng các chính sách và hoạt động thực tiễn. Để phục vụ mục tiêu này, Trung tâm xuất bản bản tin giáo dục đại học quốc tế hàng quý, xuất bản các bộ sách và các ấn phẩm khác, tài trợ cho các hội nghị và chào đón các học giả đến tham gia nghiên cứu.

Trung tâm thúc đẩy đối thoại và hợp tác giữa các tổ chức giáo dục trên toàn thế giới. Chúng tôi tin rằng tương lai phụ thuộc vào sự hợp tác hiệu quả và tạo ra một cộng đồng quốc tế tập trung vào việc cải thiện hoạt động giáo dục đại học vì lợi ích công cộng.

### **Trang web CIHE**

Các mục khác nhau trên trang Web của Trung tâm hỗ trợ công việc của các học giả và các chuyên gia giáo dục đại học quốc tế, với các liên kết đến các nguồn tài liệu chính yếu trong lĩnh vực này. Tất cả các nội dung của giáo dục đại học quốc tế đều có sẵn trực tuyến với một kho lưu trữ thông tin cho phép tìm kiếm. Ngoài ra, International Higher Education Clearinghouse (IHEC) là nơi lưu các bài báo, báo cáo, xu hướng, cơ sở dữ liệu, bản tin trực tuyến, thông báo các hội nghị quốc tế sắp tới, đường liên kết (link) tới các hiệp hội chuyên nghiệp và các tài nguyên của Bologna Process và GATS. The Higher Education Corruption Monitor - Giám sát Tham nhũng Giáo dục Đại học - cung cấp thông tin từ nhiều nguồn trên thế giới, bao gồm các bài báo được chọn lựa, thư mục và các liên kết đến các cơ quan khác. The International Network for Higher Education in Africa (INHEA) - Mạng lưới quốc tế cho giáo dục đại học ở châu Phi - là một trung tâm thông tin về nghiên cứu, phát triển và các hoạt động tuyên truyền vận động liên quan đến giáo dục sau phổ thông ở châu Phi.

### **Chương trình về Giáo dục đại học tại Lynch School of Education, Boston College**

Trung tâm là có mối liên hệ chặt chẽ với các chương trình đào tạo sau đại học về giáo dục đại học tại Boston College. Chương trình này đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ với phương thức tiếp cận dựa trên khoa học xã hội để nghiên cứu về giáo dục đại học. Sáng kiến Administrative Fellows cung cấp hỗ trợ tài chính cũng như kinh nghiệm làm việc khác nhau trong bộ máy quản trị. Các nội dung công việc bao gồm quản lý đào tạo đại học, dịch vụ và phát triển sinh viên, giáo dục quốc tế. Để biết thêm thông tin, xin vui lòng liên hệ với Tiến sĩ Karen Arnold (arnoldk@bc.edu) hoặc truy cập vào trang web của chúng tôi: <http://www.bc.edu/schools/lsoe/>.

**Các ý kiến trình bày ở đây không  
nhất thiết phản ánh quan điểm của  
Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế.**

**Tổng biên tập:**

Philip G. Altbach

**Phó tổng biên tập:**Laura E. Rumbley  
Hans de Wit**Phát hành:**Edith S. Hoshino  
Hélène Bernot Ullerö**Trợ lý biên tập:**

Salina Kopellas

**Văn phòng:**Center for International Higher Education, Campion Hall,  
Boston College, Chestnut Hill, MA 02467, USA, Tel: (617)  
552-4236, Fax: (617) 552-8422, E-mail: [highered@bc.edu](mailto:highered@bc.edu),  
<http://www.bc.edu/cihe>

*Hoan nghênh các thư từ, ý tưởng thể hiện qua bài viết và báo cáo.  
Xin vui lòng gửi bài viết qua e-mail tới [highered@bc.edu](mailto:highered@bc.edu), với thông tin về vị trí công việc (sinh viên đại học, giáo sư, quản trị giáo dục, hoạch định chính sách, v.v...) cùng lĩnh vực quan tâm và chuyên môn của bạn. Không phải trả phí.*

ISSN: 1084-0613 (bản in tiếng Anh)

© Center for International Higher Education

**Chịu trách nhiệm về bản tiếng Việt:**

Lê Trường Tùng

**Dịch và biên tập:**Nguyễn Thành Nam  
Trần Ngọc Tuấn  
Phạm Hiệp  
Đỗ Thúy Uyên**Thư ký:**

Nguyễn Thị Thu Hiền

**Thiết kế bản in và Web:**Chu Đình Phú  
Nguyễn Thế Hoàng  
Diệu Linh  
Tò Hồng Minh**Văn phòng:**Trường Đại học FPT, Khu CNC Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội.  
E-Mail: [ihe@fpt.edu.vn](mailto:ihe@fpt.edu.vn), <http://ihe.fpt.edu.vn>  
©Trường Đại học FPT